

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Srêpôk
thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018; Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Srêpôk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (sau đây gọi là Quy hoạch) với các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Tài nguyên nước được quản lý tổng hợp theo lưu vực sông, thống nhất về số lượng, chất lượng, giữa nước mặt và nước dưới đất, giữa thượng lưu và hạ lưu, giữa các địa phương trong cùng lưu vực; bảo đảm phù hợp với các điều ước quốc tế, hợp tác song phương mà Việt Nam đã tham gia.

2. Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông được xây dựng trên cơ sở gắn kết hiện trạng, định hướng sử dụng tài nguyên nước với tài nguyên đất, cơ cấu sử dụng đất và các tài nguyên thiên nhiên khác để xây dựng các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và các ngành, lĩnh vực có khai thác, sử dụng nước trên lưu vực; bảo đảm đồng bộ, thống nhất với các quy hoạch của các ngành có khai thác, sử dụng nước.

3. Điều hòa, phân bổ nguồn nước linh hoạt, tôn trọng quy luật tự nhiên, khả năng của nguồn nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, đa mục tiêu, nâng cao giá trị của nước, bảo đảm an ninh tài nguyên nước và thích ứng với biến đổi khí hậu.

4. Bảo vệ tài nguyên nước trên cơ sở bảo vệ chức năng nguồn nước đáp ứng chất lượng nước cho các mục đích sử dụng, bảo vệ nguồn sinh thủy, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa trên lưu vực.

5. Phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra với phương châm chủ động phòng ngừa là chính để giảm thiểu tối đa tổn thất, ổn định an sinh xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh trên lưu vực sông Srêpôk.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Bảo đảm an ninh tài nguyên nước trên lưu vực sông, điều hòa, phân bổ tài nguyên nước một cách phù hợp, khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả gắn với bảo vệ, phát triển bền vững tài nguyên nước nhằm đáp ứng nhu cầu nước cho dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường. Bảo vệ tài nguyên nước, phòng chống suy thoái, cạn kiệt, ô nhiễm nguồn nước và tác hại do nước gây ra, đáp ứng yêu cầu quản lý tổng hợp tài nguyên nước theo lưu vực sông và thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm hài hòa lợi ích cho các địa phương, các đối tượng khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả nhằm nâng cao giá trị kinh tế của nước, bảo đảm an ninh tài nguyên nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với các điều ước quốc tế liên quan đến tài nguyên nước mà Việt Nam đã tham gia đối với lưu vực sông Srêpôk.

b) Bảo vệ tài nguyên nước, từng bước bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa.

c) Bảo đảm lưu thông dòng chảy, phòng, chống sạt lở bờ, bãi sông, giảm thiểu tác hại do nước gây ra, phòng, chống sụt, lún do khai thác nước dưới đất.

d) Quản lý, vận hành hệ thống thông tin, dữ liệu giám sát thực hiện quy hoạch, một số chỉ số an ninh tài nguyên nước của lưu vực sông phù hợp.

đ) Phân đấu đạt được một số chỉ tiêu cơ bản của quy hoạch, gồm:

- 60% vị trí duy trì dòng chảy tối thiểu trên sông được giám sát tự động, trực tuyến, 40% còn lại được giám sát định kỳ.

- 100% các nguồn nước liên tỉnh được công bố khả năng tiếp nhận nước thải.

- 100% công trình khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước được giám sát vận hành và kết nối hệ thống theo quy định.

- 100% hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị cao về đa dạng sinh học, lịch sử, văn hóa không được san lấp được công bố.

- 70% nguồn nước được cấm mốc thuộc đối tượng phải cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

a) Duy trì, phát triển tài nguyên nước, điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm an ninh tài nguyên nước, thích ứng với biến đổi khí hậu và phù hợp với các điều ước quốc tế, hợp tác song phương liên quan đến tài nguyên nước mà Việt Nam đã tham gia.

b) Tăng cường bảo vệ tài nguyên nước, bảo đảm số lượng, chất lượng nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và giảm thiểu tối đa tác hại do nước gây ra. Hoạt động quản lý, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước được thực hiện theo phương thức trực tuyến trên cơ sở quản trị thông minh.

c) Bổ sung và nâng cao một số chỉ tiêu của quy hoạch, quản lý tổng hợp tài nguyên nước phù hợp với giai đoạn phát triển của quốc gia, ngang bằng với các quốc gia phát triển trong khu vực; bảo đảm an ninh tài nguyên nước, nâng cao giá trị của nước phù hợp với xu hướng phát triển chung của thế giới.

III. NỘI DUNG QUY HOẠCH

1. Chức năng nguồn nước

a) Các nguồn nước liên tỉnh, liên quốc gia trên lưu vực sông Srêpôk gồm: Ea Krông Nô, Ea Krông Ana, Srêpôk, Ea H'leo, Ia Đrăng, Ia Lốp có chức năng sử dụng cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, văn hóa, du lịch, kinh doanh dịch vụ, thủy điện, giao thông thủy. Chức năng cơ bản của từng nguồn nước, đoạn sông được quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Các nguồn nước dưới đất trên lưu vực sông Srêpôk có chức năng sử dụng cho các mục đích cấp nước sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, tưới cây công nghiệp và kinh doanh, dịch vụ.

b) Các nguồn nước nội tỉnh khi quy định chức năng nguồn nước phải bảo đảm tính hệ thống và phù hợp với chức năng nguồn nước quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

c) Các đối tượng khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước phải tuân thủ chức năng nguồn nước theo quy định tại Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

2. Quản lý, bảo vệ, phát triển, điều hòa, phân bổ nguồn nước bảo đảm an ninh nước cho các mục đích khai thác, sử dụng đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và văn hóa trên lưu vực sông, cụ thể như sau:

a) Tổng lượng nước có thể khai thác, sử dụng trên toàn lưu vực ứng với tần suất 50% là 19.038 triệu m³; ứng với tần suất 85% là 12.029 triệu m³ (chi tiết quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này).

Dự kiến nhu cầu khai thác, sử dụng nước đến năm 2030 theo Phụ lục IV kèm theo Quyết định này; lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo Phụ lục V kèm theo Quyết định này. Ưu tiên phân bổ cho mục đích cấp nước sinh hoạt, các mục đích thiết yếu, mục đích sử dụng nước có hiệu quả kinh tế cao đối với các khu vực xảy ra thiếu nước.

b) Trường hợp xảy ra thiếu nước nghiêm trọng, căn cứ hiện trạng nguồn nước, bản tin dự báo về tình hình khí tượng, thủy văn, tài nguyên nước, mức độ hạn hán, thiếu nước, lượng nước tích trữ trong các hồ chứa hiện có trên lưu vực sông, khả năng khai thác nước dưới đất các địa phương phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng phương án sử dụng nguồn nước hiện có, nguồn nước dự phòng gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét, quyết định phương án điều hòa, phân bổ nước phù hợp.

3. Quản lý, khai thác, sử dụng nước bảo đảm dòng chảy tối thiểu trên sông

Việc khai thác, sử dụng nước phải bảo đảm giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông, suối quy định tại Phụ lục III kèm theo Quyết định này.

Trường hợp xây dựng mới các công trình khai thác, sử dụng nước, căn cứ vào điều kiện thực tế, đặc điểm nguồn nước, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét quyết định giá trị dòng chảy tối thiểu sau công trình theo thẩm quyền, bảo đảm giá trị dòng chảy tối thiểu trên sông quy định tại Quyết định này. Trường hợp cần thực hiện dự án mới có chuyển nước sang lưu vực khác để phát triển kinh tế - xã hội phải tính toán bảo đảm cân bằng nước, dòng chảy tối thiểu và bổ sung vào quy hoạch này theo quy định.

4. Quản lý, khai thác, sử dụng nước dưới đất bảo đảm không vượt quá trữ lượng có thể khai thác quy định tại Phụ lục II kèm theo Quyết định này và không vượt quá mực nước giới hạn cho phép theo quy định.

5. Nguồn nước dự phòng cấp cho sinh hoạt tại các khu vực có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước

Trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước tại một số khu vực do hoạt động khai thác, sản xuất, xả nước thải vào nguồn nước, thì sử dụng nguồn nước dự phòng từ nguồn nước dưới đất quy định tại Phụ lục VI kèm theo Quyết định này.

6. Công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước

a) Các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước trong Quy hoạch này gồm các hồ chứa thủy lợi có dung tích từ 500.000 m³ trở lên, các công trình thủy điện từ 2MW trở lên, các công trình khai thác nước mặt cho các mục đích khác từ 50.000 m³/ngày trở lên, các công trình khai thác nước dưới đất từ 3.000 m³/ngày trở lên.

b) Các công trình đang khai thác, sử dụng nước cần nâng cao khả năng tích nước, trữ nước, tham gia điều tiết nguồn nước theo nhiệm vụ của từng công trình. Phải có phương án vận hành công trình để bảo đảm cấp nước cho hạ lưu theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp xảy ra thiếu nước.

c) Trong kỳ quy hoạch, nghiên cứu bổ sung các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước đa mục tiêu với tổng dung tích điều tiết khoảng 28,2 triệu m³ trở lên, trong đó trên tiểu lưu vực sông thượng Ea Krông Ana với dung tích khoảng 2,7 triệu m³ trở lên; trên tiểu lưu vực sông hạ Ea Krông Ana với dung tích khoảng 5,4 triệu m³ trở lên; trên tiểu lưu vực sông thượng Srêpôk với dung tích khoảng 11,5 triệu m³ trở lên; trên tiểu lưu vực sông hạ Srêpôk

với dung tích khoảng 1,3 triệu m³ trở lên; trên tiêu lưu vực sông thượng Ea H'leo với dung tích khoảng 1,6 triệu m³ trở lên; trên tiêu lưu vực sông hạ Ea H'Leo với dung tích khoảng 4,6 triệu m³ trở lên; trên tiêu lưu vực sông Ia Đrăng với dung tích khoảng 1,1 triệu m³ trở lên.

Danh mục công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước được quy định tại Phụ lục VII kèm theo Quyết định này.

7. Bảo vệ tài nguyên nước

Việc khai thác, sử dụng phải gắn với bảo vệ tài nguyên nước, bảo vệ nguồn sinh thủy, sự lưu thông dòng chảy, các hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị đa dạng sinh học phù hợp với chức năng nguồn nước trong kỳ Quy hoạch như sau:

a) Quản lý chặt chẽ rừng đầu nguồn, phân đầu duy trì tỷ lệ che phủ rừng là nguồn sinh thủy trên lưu vực sông, đặc biệt là tại thượng lưu các sông Ea Krông Nô, Ea Krông Ana, Srêpôk, Ea H'leo, Ia Đrăng, Ia Lốp.

b) Quản lý không gian tiêu thoát nước, bảo đảm lưu thông dòng chảy trên các sông, suối gồm: Ea Krông Nô, Ea Krông Ana, Srêpôk, Ea H'leo, Ia Đrăng, Ia Lốp. Các dự án kè bờ, gia cố bờ sông, san, lấp, lấn sông, cải tạo cảnh quan các vùng đất ven sông không được gây cản trở dòng chảy, thu hẹp quá 5% bề rộng lòng sông. Các sông, suối khác căn cứ vào tầm quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, điều hòa, cảnh quan môi trường cơ quan quản lý có thẩm quyền xem xét, quyết định việc quản lý không gian tiêu thoát nước cho phù hợp.

c) Quản lý, giám sát các cơ sở sản xuất có hoạt động xả nước thải, thu gom, xử lý nước thải đô thị xả vào nguồn nước để bảo đảm chức năng nguồn nước theo quy định.

d) Công bố, quản lý chặt chẽ danh mục các hồ, ao không được san lấp, các hồ, ao có chức năng điều hòa, có giá trị cao về đa dạng sinh học.

8. Phòng, chống sạt, lở bờ, bãi sông và sụt, lún đất do khai thác nước dưới đất

a) Thực hiện biện pháp bảo vệ, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; điều tra, đánh giá, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông; nghiên cứu sự biến đổi lòng dẫn, quy luật tự nhiên tác động đến sự ổn định của lòng, bờ, bãi sông.

b) Quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước, không để phát sinh hoạt động có nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước, sạt, lở bờ, bồi lấp sông, suối.

c) Thực hiện việc khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, dừng khai thác nước dưới đất đối với các vùng đã xảy ra sụt, lún đất do khai thác nước dưới đất và không xây mới các công trình khai thác đối với vùng liền kề, vùng đã xảy ra sụt, lún đất; có kế hoạch, lộ trình điều chỉnh khai thác nước dưới đất hợp lý tại những khu vực có nguy cơ sụt lún, ô nhiễm, hạ thấp mực nước quá mức.

9. Giám sát tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước và chất lượng nước

Xây dựng và duy trì mạng quan trắc, giám sát tài nguyên nước theo Quy hoạch tổng thể điều tra cơ bản tài nguyên nước đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Thực hiện việc giám sát dòng chảy, chất lượng nước ở các vị trí trên các sông, suối theo quy định tại Phụ lục VIII kèm theo Quyết định này.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách, các quy chuẩn về khai thác, sử dụng, tái sử dụng tài nguyên nước

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung quy định về quản lý, bảo vệ nguồn sinh thủy, bảo vệ, phát triển rừng đầu nguồn; tiêu chuẩn, quy chuẩn về chất lượng nước, tái sử dụng nước. Sửa đổi, bổ sung cơ chế tài chính; cơ chế thu hút, huy động các nguồn lực tài chính trong khai thác, sử dụng, bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

b) Rà soát, bổ sung các cơ chế về sử dụng nguồn nước xuyên biên giới.

c) Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch có liên quan đến khai thác, sử dụng tài nguyên nước, bảo đảm thống nhất, đồng bộ giữa các quy hoạch.

2. Điều hòa, phân bổ, phát triển, bảo vệ tài nguyên nước, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tái sử dụng nước góp phần bảo đảm an ninh tài nguyên nước

a) Xây dựng, vận hành hệ thống thông tin, mô hình số để hỗ trợ ra quyết định điều hòa phân bổ nguồn nước trên lưu vực sông Srêpôk.

b) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quan trắc khí tượng, thủy văn, tài nguyên nước trên lưu vực sông Srêpôk.

c) Kiểm soát các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước trên lưu vực sông Srêpôk thông qua việc kết nối, truyền thông tin, dữ liệu về hệ thống giám sát khai thác, sử dụng nước, xả nước thải theo quy định.

d) Nâng cao khả năng tích nước, trữ nước của các hồ chứa nước hiện có trên nguyên tắc bảo đảm an toàn; bổ sung, xây dựng mới công trình điều tiết, khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước bảo đảm đa mục tiêu, phù hợp với Quy hoạch này và các quy hoạch chuyên ngành khác có liên quan.

đ) Rà soát, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa trên các sông, suối thuộc lưu vực sông Srêpôk để nâng cao khả năng cấp nước cho hạ du, phòng, chống lũ và thích ứng với biến đổi khí hậu.

e) Xây dựng phương án khai thác, sử dụng nguồn nước dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, thiếu nước.

g) Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, từng bước phục hồi rừng phòng hộ đầu nguồn bị suy thoái, ưu tiên thực hiện tại thượng lưu các sông Ea Krông Nô, Ea Krông Ana, Srêpôk, Ea H'leo, Ia Đrăng, Ia Lốp.

h) Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của nguồn nước trên lưu vực sông Srêpôk.

i) Lập hành lang bảo vệ nguồn nước và tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ, phòng, chống sạt, lở lòng, bờ, bãi sông, hành lang bảo vệ nguồn nước liên tỉnh trên lưu vực sông Srêpôk theo quy định.

k) Tổ chức điều tra, đánh giá, quan trắc, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông trên các sông liên tỉnh.

l) Khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và trám lấp các lỗ khoan thăm dò, khai thác không còn sử dụng theo quy định.

m) Xây dựng bản đồ ngập lụt vùng hạ du đập, hồ chứa để ứng phó, phòng, chống, khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra.

n) Chuyển đổi sản xuất, áp dụng các mô hình tưới tiết kiệm, nhất là tại các khu vực thường xuyên xảy ra hạn hán, thiếu nước.

o) Tăng cường thu gom, xử lý nước thải đô thị.

3. Khoa học, công nghệ và hợp tác quốc tế

a) Ứng dụng khoa học, kỹ thuật để sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm và tái sử dụng nước, quản lý, bảo vệ nguồn nước.

b) Tăng cường hợp tác quốc tế trong việc trao đổi, cung cấp thông tin về nguồn nước xuyên biên giới, nghiên cứu chuyên giao khoa học, công nghệ sử dụng nước tuần hoàn, tiết kiệm, tái sử dụng nước.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức công bố Quy hoạch, phối hợp với các cơ quan, địa phương liên quan triển khai tuyên truyền các nội dung trọng tâm của Quy hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương liên quan tổ chức thực hiện Quy hoạch theo chức năng quản lý nhà nước được giao; kiểm tra, giám sát việc thực hiện; định kỳ đánh giá thực hiện, rà soát, điều chỉnh Quy hoạch theo quy định.

c) Chủ trì xây dựng, hoàn thiện hệ thống thông tin, mô hình số để kết nối thông tin, dữ liệu, thực hiện giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước và hỗ trợ ra quyết định điều hòa, phân bổ nguồn nước trên lưu vực sông theo quy định.

d) Quản lý hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước theo thẩm quyền phù hợp chức năng nguồn nước, mục tiêu chất lượng nước và dòng chảy tối thiểu theo quy định tại Quyết định này. Thanh tra, kiểm tra việc khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước bảo đảm chức năng nguồn nước, bảo đảm dòng chảy tối thiểu và các nội dung khác của Quy hoạch.

đ) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh trên lưu vực xây dựng phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước trong trường hợp hạn hán thiếu nước; thực hiện đo đạc, quan trắc dòng chảy, chất lượng nước; chỉ đạo, tổ chức điều tra, đánh giá, giám sát diễn biến dòng chảy, bồi lắng, sạt, lở lòng, bờ, bãi sông.

e) Rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung danh mục các hồ thủy lợi, thủy điện trên lưu vực sông Srêpók phải xây dựng quy trình vận hành liên hồ chứa trong trường hợp cần thiết.

g) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương có liên quan kịp thời tổng hợp báo cáo, đề xuất tháo gỡ vướng mắc, bất hợp lý trên thực tế (nếu có); thẩm định, tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung, đưa ra khỏi danh mục các công trình khai thác, sử dụng, phát triển tài nguyên nước do các Bộ, ngành, địa phương có nhu cầu đề xuất trong quá trình triển khai thực hiện Quy hoạch này đề xuất Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo hoặc quyết định điều chỉnh.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Rà soát, điều chỉnh hoặc đề xuất cấp thẩm quyền điều chỉnh, bổ sung quy hoạch thủy lợi và các quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác có khai thác, sử dụng nước phù hợp với Quy hoạch này.

b) Chỉ đạo, đôn đốc, tổ chức triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn và nâng cao khả năng trữ nước theo thiết kế của các hồ chứa thủy lợi; bảo vệ, phát triển, khôi phục rừng phòng hộ đầu nguồn trên lưu vực; lập, điều chỉnh quy trình vận hành các hồ chứa thủy lợi và công trình thủy lợi trên lưu vực sông Srêpók theo thẩm quyền, bảo đảm phù hợp với Quy hoạch này và các quy hoạch khác có liên quan.

c) Chỉ đạo thực hiện các biện pháp phòng chống tác hại của nước do thiên tai gây ra theo quy định pháp luật về đê điều và phòng, chống thiên tai.

d) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành công trình thủy lợi, công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước, chuyển đổi sản xuất để sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

đ) Phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường chỉ đạo các đối tượng khai thác, sử dụng nước thuộc phạm vi quản lý thực hiện các phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước trên lưu vực sông theo quy định.

3. Bộ Xây dựng rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch cấp nước, thoát nước thải đô thị trên lưu vực phù hợp với Quy hoạch này; chỉ đạo xây dựng và thực hiện các giải pháp sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm thiểu tỷ lệ thất thoát trong các hệ thống cấp nước đô thị theo thẩm quyền.

4. Bộ Công Thương trong quá trình lập, điều chỉnh các quy hoạch tổng thể về năng lượng và phát triển điện lực có khai thác, sử dụng nước phải xem xét, đánh giá, bảo đảm phù hợp với khả năng đáp ứng nguồn nước trên lưu vực sông Srêpók.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm để thực hiện các chương trình, dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật về đầu tư công để triển khai thực hiện Quy hoạch.

6. Bộ Tài chính chủ trì căn cứ vào khả năng cân đối của ngân sách nhà nước tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền kinh phí chi thường xuyên để thực hiện Quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách theo quy định.

7. Các Bộ, ngành khác có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng trong việc khai thác, sử dụng, bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra.

8. Ủy ban nhân dân các tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về tài nguyên nước tổ chức lập nội dung phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra; đề xuất, bổ sung danh mục công trình khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước ngoài quy định tại điểm a khoản 6 mục III Điều 1 Quyết định này để đưa vào quy hoạch tỉnh theo quy định.

b) Căn cứ điều kiện thực tế, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội tại từng khu vực, đoạn sông cụ thể, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Bộ Tài nguyên và Môi trường quyết định bổ sung chức năng cơ bản của nguồn nước quy định tại Phụ lục I phù hợp với thực tế và nhiệm vụ bảo vệ môi trường.

c) Chỉ đạo cơ quan chức năng tổ chức đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải các nguồn nước nội tỉnh, khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, lập hành lang bảo vệ nguồn nước; thu gom, xử lý nước thải đô thị trên địa bàn trình cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

d) Quản lý chặt chẽ các hoạt động khai thác, sử dụng nước, xả nước thải vào nguồn nước trên lưu vực sông theo thẩm quyền, phù hợp chức năng nguồn nước, bảo đảm chất lượng nước và dòng chảy tối thiểu theo quy định.

đ) Tổ chức giám sát các đối tượng khai thác, sử dụng nước trên lưu vực thuộc phạm vi quản lý thực hiện các phương án điều hòa, phân bổ nguồn nước theo quy định.

e) Chỉ đạo lập, điều chỉnh quy trình vận hành hồ chứa thủy điện, thủy lợi trên địa bàn thuộc thẩm quyền phù hợp với Quy hoạch này.

g) Xây dựng phương án khai thác, sử dụng nguồn nước dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố ô nhiễm nguồn nước, hạn hán, thiếu nước.

h) Triển khai các biện pháp bảo vệ, phòng, chống, khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra theo quy định.

i) Trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phương án phân bổ kinh phí thực hiện Quy hoạch từ nguồn ngân sách địa phương cho các nội dung địa phương thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

k) Định kỳ hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Quy hoạch trên địa bàn, gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để theo dõi, tổng hợp.

Điều 3. Điều khoản thi hành

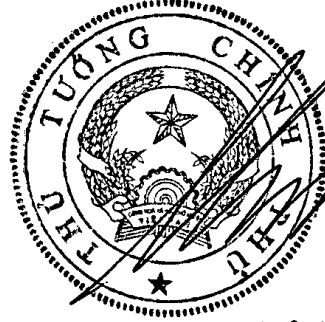
Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Bộ trưởng các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng, Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

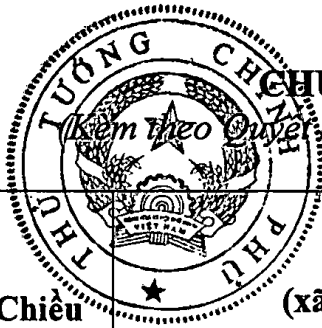
Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, Giao thông vận tải, Xây dựng, Khoa học và Công nghệ, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quốc phòng, Công an, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngoại giao;
- Ủy ban sông Mê Công Việt Nam;
- HĐND, UBND các tỉnh: Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ: CN, KTTH, KGVX, QHQT;
- Lưu: VT, NN (2b). Tuyenh 14

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Lê Văn Thành



Phụ lục I

CHỨC NĂNG CƠ BẢN NGUỒN NƯỚC

(kèm theo Quyết định số 4138.. /QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

Tel +84-28-3930 329 * www.ThuVien

TÀI VIÊN PHÁP LÝ

Tel +84-28-3930 329 * www.ThuVien

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08 - MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
I	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Ana						
1	Sông Ea Krông Ana đoạn 1	80	Ea Tân, Krông Năng, Đắk Lắk	Tân Lập, Krông Búk, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Ea Krông Ana đoạn 2	32	Tân Lập, Krông Búk, Đắk Lắk	Hòa Tân, Krông Bông, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Ea Kar	32	Cư Huê, Ea Kar, Đắk Lắk	Ea Kly, Krông Pắc, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
4	Sông Ea Krông Bông	102	Yang Mao, Krông Bông, Đắk Lắk	Vụ Bồn, Krông Pắc, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
5	Sông Ea Krông	33	Tân Lập, Kon Rẫy, Kon Tum	Krông Búk, Krông Pắc, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho sản xuất	Hạng B1	Hạng A2

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08 - MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
					công nghiệp		
6	Sông Ea Kuăng	35	Cư Bao, Thị Buôn Hồ, Đắk Lắk	Ea Kuăng, Krông Pắc, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
7	Sông Ea Uy	32	Ea Kênh, Krông Pắc, Đắk Lắk	Ea Uy, Krông Pắc, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
8	Sông Ea Krông Pắc	95	Cư San, M'Đrăk, Đắk Lắk	Ea Uy, Krông Pắc, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
II	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Ana						
1	Sông Ea Krông Ana đoạn 3	65	Hòa Tân, Krông Bông, Đắk Lắk	Thị trấn Buôn Tráp, Krông A Na, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp (4) Sử dụng cho thủy điện (5) Giao thông thủy	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Ea Puôi	35	Hòa Đông, Krông Pắc, Đắk Lắk	Hòa Hiệp, Cư Kuin, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Đắk Phơi	46	Đắk Phơi, Lắk, Đắk Lắk	Buôn Tría, Lắk, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08 - MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
III	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Nô						
1	Sông Ea Krông Nô đoạn 1	194	Đạ Chais, Lạc Dương, Lâm Đồng	Đạ Rsal, Đam Rông, Lâm Đồng	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Đăk Rohyo	35	Đăk Phoi, Lắc, Đăk Lăk	Đăk Nuê, Lắc, Đăk Lăk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Da R' Mang	86	Đăk Ha, Đăk Glong, Đăk Nông	Đạ Rsal, Đam Rông, Lâm Đồng	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện,	Hạng B1	Hạng A2
IV	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Nô						
1	Sông Ea Krông Nô đoạn 2	194	Nam Ka, Lắc, Đăk Lăk	Thị trấn Buôn Tráp, Krông A Na, Đăk Lăk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Đăk Rí	68	Đăk Hòa, Đăk Song, Đăk Nông	Đức Xuyên, Krông Nô, Đăk Nông	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Chu Tát	51	Đăk Hòa, Đăk Song, Đăk Nông	Nâm N'Đir, Krông Nô, Đăk Nông	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08 - MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
V	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Srêpôk						
1	Sông Srêpôk đoạn 1	85	Buôn Choah, Krông Nô, Đắk Nông	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện (4) Giao thông thủy	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Ea Knir	56	Hòa Thắng, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Hòa Xuân, Thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Ea Ndrich	41	Đắk R'La, Đắk Mil, Đắk Nông	Ea Pô, Cư Jút, Đắk Nông	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
4	Sông Đắk Hua	70	Cư Dliê M'ông, Cư M'gar, Đắk Lắk	Ea Huar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
5	Sông Đắk Sour	72	Nâm N'Jang, Đắk Song, Đắk Nông	Đắk Sôr, Krông Nô, Đắk Nông	(1) Cấp nước cho sinh hoạt, (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2
6	Sông Ea Tul	86	Pong Drang, Krông Búk, Đắk Lắk	Ea Wer, Buôn Đôn, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Sử dụng cho thủy điện	Hạng B1	Hạng A2

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08 - MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
7	Sông Ea Gan	54	Đức Mạnh, Đắk Mil, Đắk Nông	Tâm Thắng, Cư Jút, Đắk Nông	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
VI	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Srêpôk						
1	Sông Srêpôk đoạn 2	101	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Đắk Ki Na	91	Đắk Lao, Đắk Mil, Đắk Nông	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Đắk Na	41	Đắk Wil, Cư Jút, Đắk Nông	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
4	Sông Đắk Đăm	111	Thuận Hạnh, Đắk Song, Đắk Nông	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
5	Sông Đắk Klau	75	Thị trấn Đắk Mil, Đắk Mil, Đắk Nông	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
VII	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea H'leo						
1	Sông Ea H' Leo đoạn 1	75	Ea Tân, Krông Năng, Đắk Lắk	Ia Jloi, Ea Súp, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp	Hạng B1	Hạng A2

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08 - MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
2	Sông Ea H' Leo đoạn 2	60	Ia JLoi, Ea Súp, Đắk Lắk	Ia JLoi, Ea Súp, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Ea Rôk	53	Ea Tir, Ea H'leo, Đắk Lắk	Ya Tờ Môt, Ea Súp, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
4	Sông Ea Wy	43	Ea Nam, Ea H'leo, Đắk Lắk	Ea Rôk, Ea Súp, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
5	Sông Ia H' Leo	89	Dlê Yang, Ea H'leo, Đắk Lắk	Ia JLoi, Ea Súp, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
6	Sông Ea Súp	113	Ea Ngai, Krông Búk, Đắk Lắk	Cư KBang, Ea Súp, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt, (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
7	Sông Ea Khal	69	Ea Nam, Ea H'leo, Đắk Lắk	Ea Rôk, Ea Súp, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
VIII	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea H'Leo						
1	Sông Ea H' Leo đoạn 3	135	Ia Lốp, Ea Súp, Đắk Lắk	Ia RVê, Ea Súp, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Ia Te Môt	40	Ea Bung, Ea Súp, Đắk Lắk	Ia RVê, Ea Súp, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Đắk Ruê	49	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	Ea Bung, Ea Súp, Đắk Lắk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08 - MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
IX	Lưu vực sông Ia Lốp						
1	Sông Ia Lốp đoạn 1	69	Ia Glai, Chư Sê, Gia Lai	Ia Dreng, Chư Puh, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Ia Lốp đoạn 2	52	Ia Dreng, Chư Puh, Gia Lai	Ia Lốp, Ea Súp, Đăk Lăk	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
3	Sông Ia Lô	38	Ia Ko, Chư Sê, Gia Lai	Ia Lâu, Chư Prông, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
4	Sông Ia Glé	79	Ia Băng, Đăk Đoa, Gia Lai	Ia Pior, Chư Prông, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
5	Sông Ia Meur	93	Ia Băng, Đăk Đoa, Gia Lai	Ia Mơ, Chư Prông, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
X	Lưu vực sông Ia Đrăng						
1	Sông Ia Đrăng đoạn 1	49	Gào, Thành phố Pleiku, Gia Lai	Ia Đrăng, Chư Prông, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp, (3) Cấp nước cho sản xuất công nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
2	Sông Ia Đrăng đoạn 2	44	Ia Đrăng, Chư Prông, Gia Lai	Ia Púch, Chư Prông, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2

TT	Nguồn nước	Chiều dài (km)	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)		Chức năng	Mục tiêu chất lượng nước tối thiểu cần đạt được theo quy định tại QCVN 08 - MT:2015/BTNMT	
			Điểm đầu	Điểm cuối		Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
3	Sông Ia Kreng	50	Ia Din, Đức Cơ, Gia Lai	Ia Púch, Chư Prông, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
4	Sông Ia Púch đoạn 1	55	Ia Kênh, Thành phố Pleiku, Gia Lai	Bình Giáo, Chư Prông, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
5	Sông Ia Púch đoạn 2	23	Bình Giáo, Chư Prông, Gia Lai	Ia Púch, Chư Prông, Gia Lai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp	Hạng B1	Hạng A2
XI	Hồ tự nhiên						
1	Hồ Lắk		Thị trấn Liên Sơn, Lắk, Đắk Lắk	Thị trấn Liên Sơn, Lắk, Đắk Lắk	(1) Tạo cảnh quan	Hạng B1	Hạng A2



Phụ lục II

LƯỢNG NƯỚC CÓ THỂ KHAI THÁC, SỬ DỤNG
Kèm theo Quyết định số.../QĐ-TTg ngày... tháng... năm 2021
của Thủ tướng Chính phủ

www.ThuVienPhapLuat.vn * 1900.123456789 * 028-3930 3429 * THƯ VIỆN PHÁP LUẬT

1. Lượng nước có thể khai thác, sử dụng đến năm 2030 (triệu m³)

TT	Vùng quy hoạch	Lượng nước có thể khai thác, sử dụng (triệu m ³)				
		Nước dưới đất	Nước mặt (tần suất 50%)	Nước mặt (tần suất 85%)	Tổng lượng nước (tần suất 50%)	Tổng lượng nước (tần suất 85%)
		(1)	(2)	(3)	(4) = (1) + (2)	(5) = (1) + (3)
	Toàn vùng quy hoạch	2.196	16.842	9.834	19.038	12.029
I	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Ana	244	2.004	1.262	2.248	1.505
1	Sông Ea pal	58	481	303	539	361
2	Sông Ea Uy	39	321	202	360	241
3	Sông Ea Krông Ana đoạn 1	104	859	541	964	645
4	Sông Ea Krông Ana đoạn 2	43	343	216	385	258
II	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Ana	56	1.008	546	1.064	602
1	Sông Ea Puôi	17	302	164	319	181
2	Sông Đăk Phơi	16	282	153	298	168
3	Sông Ea Krông Ana đoạn 3	23	423	229	447	253
III	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Nô	113	3.646	2.884	3.759	2.997
1	Sông Đa R'Mang	39	1.276	1.009	1.315	1.049
2	Sông Ea Krông Nô đoạn 1	74	2.370	1.875	2.444	1.948

TT	Vùng quy hoạch	Lượng nước có thể khai thác, sử dụng (triệu m ³)				
		Nước dưới đất	Nước mặt (tần suất 50%)	Nước mặt (tần suất 85%)	Tổng lượng nước (tần suất 50%)	Tổng lượng nước (tần suất 85%)
IV	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Nô	90	707	195	797	285
1	Sông Đăk Rí	37	290	80	327	117
2	Sông Chur Tát	12	97	27	109	39
3	Sông Ea Krông Nô đoạn 2	41	320	88	361	129
V	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Srêpôk	660	1.834	1.115	2.494	1.775
1	Sông Đăk Sour	145	403	245	549	391
2	Sông Ea Tour	76	211	128	287	204
3	Sông Ea Knia	88	238	145	308	214
4	Sông Ea Ndrich	78	220	134	299	213
5	Sông Ea Tul	119	330	201	449	320
6	Sông Đăk Hua	86	238	145	324	231
7	Sông Srêpôk đoạn 1	68	194	117	278	202
VI	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Srêpôk	142	1.174	504	1.316	647
1	Sông Đăk Ki Na	54	446	192	500	245
2	Sông Đăk Na	24	223	96	248	122
3	Sông Srêpôk đoạn 2	64	505	216	567	280

TT	Vùng quy hoạch	Lượng nước có thể khai thác, sử dụng (triệu m ³)				
		Nước dưới đất	Nước mặt (tần suất 50%)	Nước mặt (tần suất 85%)	Tổng lượng nước (tần suất 50%)	Tổng lượng nước (tần suất 85%)
VII	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea H'leo	327	2.040	1.115	2.367	1.442
1	Sông Ea Kuê	105	653	357	757	462
2	Sông Ea Khal	65	408	223	473	288
3	Sông Ea H'leo đoạn 1	87	544	297	631	384
4	Sông Ea H'leo đoạn 2	70	435	238	506	308
VIII	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea H'Leo	2	593	331	595	333
1	Sông Ea H'leo đoạn 3	2	593	331	595	333
IX	Lưu vực sông Ia Lốp	307	1.455	702	1.762	1.009
1	Sông Ia Meur	117	553	267	669	383
2	Sông Ia Lốp	190	902	435	1.093	626
X	Lưu vực sông Ia Đrăng	255	2.381	1.180	2.636	1.434
1	Sông Ia Kreng	89	833	413	923	502
2	Sông Ia Đrăng	166	1.548	767	1.713	932

2. Lượng nước có thể khai thác, sử dụng theo tháng đến năm 2030 ứng với các tần suất nước đến

TT	Vùng quy hoạch	Tần suất	Lượng nước có thể khai thác theo tháng (triệu m ³)												Cả năm (triệu m ³)
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
	Toàn lưu vực	50%	826	424	338	292	434	954	1.665	2.790	3.248	3.633	2.672	1.761	19.038
		85%	532	280	225	195	284	604	1.034	1.732	2.029	2.293	1.692	1.128	12.029
I	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Ana	50%	131	63	47	41	61	106	118	192	256	398	476	359	2.248
		85%	88	42	31	28	41	71	79	128	171	266	319	240	1.505
1	Sông Ea pal	50%	31	15	11	10	15	26	28	46	61	95	114	86	539
		85%	21	10	8	7	10	17	19	31	41	64	77	58	361
2	Sông Ea Uy	50%	21	10	8	7	10	17	19	31	41	64	76	57	360
		85%	14	7	5	4	7	11	13	21	27	43	51	38	241
3	Sông Ea Krông Ana đoạn 1	50%	56	27	20	18	26	46	51	82	110	171	204	154	964
		85%	38	18	14	12	18	31	34	55	74	114	136	103	645
4	Sông Ea Krông Ana đoạn 2	50%	23	11	8	7	11	18	20	33	44	68	82	61	385
		85%	15	7	5	5	7	12	13	22	29	46	55	41	258
II	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Ana	50%	60	30	23	19	25	48	62	106	137	193	206	155	1.064
		85%	34	17	13	11	14	27	35	60	78	109	117	88	602
1	Sông Ea Puôi	50%	18	9	7	6	8	14	18	32	41	58	62	46	319
		85%	10	5	4	3	4	8	10	18	23	33	35	26	181
2	Sông Đăk Phoi	50%	17	8	6	5	7	13	17	30	38	54	58	43	298
		85%	10	5	4	3	4	8	10	17	22	30	33	25	168
3	Sông Ea Krông Ana đoạn 3	50%	25	13	10	8	11	20	26	44	58	81	87	65	447
		85%	14	7	5	5	6	11	15	25	33	46	49	37	253

TT	Vùng quy hoạch	Tần suất	Lượng nước có thể khai thác theo tháng (triệu m ³)												Cả năm (triệu m ³)
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
III	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Nô	50%	175	114	101	91	126	220	332	544	613	708	431	302	3.759
		85%	140	91	81	73	100	175	265	434	489	564	344	241	2.997
1	Sông Đa R'Mang	50%	61	40	35	32	44	77	116	190	215	248	151	106	1.315
		85%	49	32	28	25	35	61	93	152	171	197	120	84	1.049
2	Sông Ea Krông Nô đoạn 1	50%	114	74	66	59	82	143	216	354	399	460	280	196	2.444
		85%	91	59	52	47	65	114	172	282	318	367	224	157	1.948
IV	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Nô	50%	42	27	23	19	21	36	67	109	127	158	98	70	797
		85%	15	10	8	7	8	13	24	39	45	57	35	25	285
1	Sông Đăk Rí	50%	17	11	9	8	9	15	28	45	52	65	40	29	327
		85%	6	4	3	3	3	5	10	16	19	23	14	10	117
2	Sông Chư Tát	50%	6	4	3	3	3	5	9	15	17	22	13	10	109
		85%	2	1	1	1	1	2	3	5	6	8	5	3	39
3	Sông Ea Krông Nô đoạn 2	50%	19	12	10	8	10	16	30	49	58	72	44	32	361
		85%	7	4	4	3	3	6	11	18	21	26	16	11	129
V	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Srêpôk	50%	126	73	60	49	59	114	193	322	404	480	361	254	2.494
		85%	89	52	43	35	42	81	137	229	287	342	257	181	1.775
1	Sông Đăk Sour	50%	28	16	13	11	13	25	42	71	89	106	79	56	549
		85%	20	12	9	8	9	18	30	50	63	75	57	40	391
2	Sông Ea Tour	50%	14	8	7	6	7	13	22	37	46	55	42	29	287

TT	Vùng quy hoạch	Tần suất	Lượng nước có thể khai thác theo tháng (triệu m ³)												Cả năm (triệu m ³)
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
		85%	10	6	5	4	5	9	16	26	33	39	30	21	204
3	Sông Ea Knia	50%	15	9	7	6	7	14	24	40	50	59	45	31	308
		85%	11	6	5	4	5	10	17	28	35	41	31	22	214
4	Sông Ea Ndrich	50%	15	9	7	6	7	14	23	39	48	58	43	31	299
		85%	11	6	5	4	5	10	16	27	34	41	31	22	213
5	Sông Ea Tul	50%	23	13	11	9	11	21	35	58	73	86	65	46	449
		85%	16	9	8	6	8	15	25	41	52	62	46	33	320
6	Sông Đăk Hua	50%	16	10	8	6	8	15	25	42	52	62	47	33	324
		85%	12	7	6	4	5	11	18	30	37	44	33	24	231
7	Sông Srêpôk đoạn 1	50%	14	9	7	5	7	13	21	36	45	53	40	28	278
		85%	10	6	5	3	4	10	16	26	32	38	29	21	202
VI	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Srêpôk	50%	66	37	30	24	30	59	101	171	215	258	192	133	1.316
		85%	32	18	15	12	15	29	50	84	106	127	94	66	647
1	Sông Đăk Ki Na	50%	25	14	12	9	12	22	39	65	82	98	73	51	500
		85%	12	7	6	4	6	11	19	32	40	48	36	25	245
2	Sông Đăk Na	50%	13	7	5	4	5	12	19	33	41	48	37	25	248
		85%	6	3	2	2	2	6	9	16	20	24	18	12	122
3	Sông Srêpôk đoạn 2	50%	27	15	12	10	12	24	41	70	88	106	79	55	539
		85%	13	7	6	5	6	11	19	33	41	49	37	25	251

TT	Vùng quy hoạch	Tần suất	Lượng nước có thể khai thác theo tháng (triệu m ³)												Cả năm (triệu m ³)
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
VII	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea H'leo	50%	91	35	26	25	37	87	190	363	462	511	347	187	2.367
		85%	55	21	16	15	23	53	116	221	289	311	211	114	1.442
1	Sông Ea Kuê	50%	29	11	8	8	12	28	61	116	150	164	111	60	757
		85%	18	7	5	5	7	17	37	71	91	100	68	37	462
2	Sông Ea Khal	50%	18	7	5	5	7	17	38	73	94	102	69	37	473
		85%	11	4	3	3	5	11	23	44	57	62	42	23	288
3	Sông Ea H'leo đoạn 1	50%	24	9	7	7	10	23	51	97	125	136	92	50	631
		85%	15	6	4	4	6	14	31	59	76	83	56	31	384
4	Sông Ea H'leo đoạn 2	50%	20	8	6	5	8	19	40	77	100	109	74	40	506
		85%	12	4	4	3	5	12	25	47	61	67	45	24	308
VIII	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea H'leo	50%	23	9	7	6	9	22	48	91	118	129	87	47	595
		85%	13	5	4	3	5	12	27	51	66	72	49	26	333
IX	Lưu vực sông Ia Lốp	50%	52	19	13	12	27	94	206	340	361	326	201	112	1.762
		85%	30	11	8	7	16	54	118	194	207	187	115	64	1.009
1	Sông Ia Meur	50%	20	7	5	5	10	36	78	129	137	124	76	42	669
		85%	11	4	3	3	6	20	45	74	79	71	44	24	383
2	Sông Ia Lốp	50%	32	12	8	7	17	58	127	211	224	202	125	69	1.093
		85%	18	7	5	4	10	33	73	121	128	116	71	40	626

TT	Vùng quy hoạch	Tần suất	Lượng nước có thể khai thác theo tháng (triệu m ³)												Cả năm (triệu m ³)
			I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
X	Lưu vực sông Ia Đrăng	50%	62	18	9	8	37	168	347	550	547	473	274	145	2.636
		85%	34	10	5	4	20	91	189	299	297	257	149	79	1.434
1	Sông Ia Kreng	50%	22	6	3	3	13	59	122	193	191	166	96	51	923
		85%	12	3	2	1	7	32	66	105	104	90	52	28	502
2	Sông Ia Đrăng	50%	40	12	6	5	24	109	226	358	355	307	178	94	1.713
		85%	22	6	3	3	13	59	123	195	193	167	97	51	932



Phụ lục III
DÒNG CHẢY TỐI THIỂU

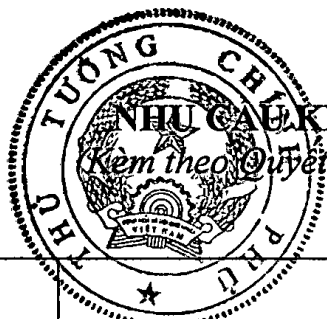
Kèm theo Quyết định số 2138... /QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2021
của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Đoạn sông	Chiều dài (km)	Điểm quy định dòng chảy tối thiểu	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dòng chảy tối thiểu (m ³ /s)
I	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Ana				
1	Sông Ea Krông Ana đoạn 1	80	Ranh giới xã Tân Lập và xã Ea Blang	Tân Lập, Krông Búk, Đắk Lắk	0,34
2	Sông Ea Krông Ana đoạn 2	32	Trước nhập lưu sông Ea Enon	Hòa Tân, Krông Bông, Đắk Lắk	5,68
3	Sông Ea Kar	32	Trước nhập lưu sông Ea Krông Ana	Ea Kly, Krông Pắc, Đắk Lắk	0,31
4	Sông Ea Krông Bông	102	Trước nhập lưu sông Ea Krông Ana	Vụ Bôn, Krông Pắc, Đắk Lắk	1,54
5	Sông Ea Krông	33	Trước nhập lưu sông Ea Krông Ana	Krông Búk, Krông Pắc, Đắk Lắk	0,18
6	Sông Ea Kuăng	35	Trước nhập lưu sông Ea Krông Ana	Ea Kuăng, Krông Pắc, Đắk Lắk	0,20
7	Sông Ea Uy	32	Trước nhập lưu sông Ea Krông Ana	Ea Uy, Krông Pắc, Đắk Lắk	2,15
8	Sông Ea Krông Pắc	95	Trước nhập lưu sông Ea Krông Ana	Ea Uy, Krông Pắc, Đắk Lắk	1,27
II	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Ana				
1	Sông Ea Krông Ana đoạn 3	65	Trước nhập lưu sông Ea Krông Nô	Thị trấn Buôn Tráp, Krông A Na, Đắk Lắk	7,58
2	Sông Ea Puôi	35	Trước nhập lưu sông Ea Krông Ana	Hòa Hiệp, Cư Kuin, Đắk Lắk	0,45
3	Sông Đắk Phơi	46	Trước nhập lưu sông Ea Krông Ana	Buôn Tría, Lắk, Đắk Lắk	0,53

TT	Đoạn sông	Chiều dài (km)	Điểm quy định dòng chảy tối thiểu	(xã, huyện, tỉnh)	Dòng chảy tối thiểu (m ³ /s)
III	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Nô				
1	Sông Ea Krông Nô đoạn 1	194	Trước nhập lưu sông Da R' Mang	Đạ Rsal, Đam Rông, Lâm Đồng	6,57
2	Sông Đăk Rohyo	35	Trước nhập lưu sông Ea Krông Nô	Đăk Nuê, Lăk, Đăk Lăk	0,72
3	Sông Da R' Mang	86	Trước nhập lưu sông Ea Krông Nô	Đạ Rsal, Đam Rông, Lâm Đồng	7,24
IV	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Nô				
1	Sông Ea Krông Nô đoạn 2	194	Trước nhập lưu sông Ea Krông Ana	Thị trấn Buôn Tráp, Krông A Na, Đăk Lăk	19,16
2	Sông Đăk Rí	68	Trước nhập lưu sông Ea Krông Nô	Đức Xuyên, Krông Nô, Đăk Nông	1,97
3	Sông Chu Tát	51	Trước nhập lưu sông Ea Krông Nô	Nâm N'Đir, Krông Nô, Đăk Nông	0,54
V	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Srêpôk				
1	Sông Srêpôk đoạn 1	85	Sau nhập lưu sông Đăk Hua	Krông Na, Buôn Đôn, Đăk Lăk	27,00
2	Sông Ea Knir	56	Trước nhập lưu sông Srêpôk	Hòa Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, Đăk Lăk	0,25
3	Sông Ea Ndrich	41	Trước nhập lưu sông Srêpôk	Ea Pô, Cư Jút, Đăk Nông	0,16
4	Sông Đăk Hua	70	Trước nhập lưu sông Srêpôk	Ea Huar, Buôn Đôn, Đăk Lăk	0,29
5	Sông Đăk Sour	72	Trước nhập lưu sông Srêpôk	Đăk Sôr, Krông Nô, Đăk Nông	1,58
6	Sông Ea Tul	86	Trước nhập lưu sông Srêpôk	Ea Wer, Buôn Đôn, Đăk Lăk	1,43
7	Sông Ea Gan	54	Trước nhập lưu sông Srêpôk	Tâm Thắng, Cư Jút, Đăk Nông	0,22

TT	Đoạn sông	Chiều dài (km)	Điểm quy định dòng chảy tối thiểu	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dòng chảy tối thiểu (m ³ /s)
VI	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Srêpôk				
1	Sông Srêpôk đoạn 2	101	Cửa ra sông Srêpôk tại biên giới	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	27,00
2	Sông Đăk Ki Na	91	Trước nhập lưu sông Srêpôk	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	0,61
3	Sông Đăk Na	41	Trước nhập lưu sông Srêpôk	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	0,25
4	Sông Đăk Đăm	111	Trước nhập lưu sông Srêpôk	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	0,37
5	Sông Đăk Klau	75	Trước nhập lưu sông Srêpôk	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	0,50
VII	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea H'leo				
1	Sông Ea H' Leo đoạn 1	75	Sau nhập lưu sông Ea Soup	Ia JLoi, Ea Súp, Đắk Lắk	0,90
2	Sông Ea H' Leo đoạn 2	60	Trước nhập lưu sông Ea H'leo	Ia JLoi, Ea Súp, Đắk Lắk	5,89
3	Sông Ea Rôk	53	Trước nhập lưu sông Ia H'leo	Ya Tờ Môt, Ea Súp, Đắk Lắk	0,41
4	Sông Ea Wy	43	Trước nhập lưu sông Ia H'leo	Ea Rôk, Ea Súp, Đắk Lắk	0,25
5	Sông Ia H' Leo	89	Trước nhập lưu sông Ia H'leo	Ia JLoi, Ea Súp, Đắk Lắk	1,55
6	Sông Ea Súp	113	Trước nhập lưu sông Ia H'leo	Cư KBang, Ea Súp, Đắk Lắk	2,01
7	Sông Ea Khal	69	Trước nhập lưu sông Ia H'leo	Ea Rôk, Ea Súp, Đắk Lắk	0,73
VIII	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea H'Leo				
1	Sông Ea H' Leo đoạn 3	135	Cửa ra sông Ia H'leo tại biên giới	Ia RVê, Ea Súp, Đắk Lắk	7,64
2	Sông Ia Tê Môt	40	Trước nhập lưu sông Ia H'leo	Ia RVê, Ea Súp, Đắk Lắk	0,45
3	Sông Đăk Ruê	49	Cửa ra sông Đăk Ruê tại biên giới	Ea Bung, Ea Súp, Đắk Lắk	0,49

TT	Đoạn sông	Chiều dài (km)	Điểm quy định dòng chảy tối thiểu	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dòng chảy tối thiểu (m ³ /s)
IX	Lưu vực sông Ia Lốp				
1	Sông Ia Lốp đoạn 1	69	Ranh giới huyện Chư Sê và Chư Puh	Ia Dreng, Chư Puh, Gia Lai	0,21
2	Sông Ia Lốp đoạn 2	52	Trước nhập lưu sông Ia Lốp	Ia Lốp, Ea Súp, Đăk Lăk	4,13
3	Sông Ia Lô	38	Trước nhập lưu sông Ia Lốp	Ia Lâu, Chư Prông, Gia Lai	0,39
4	Sông Ia Glé	79	Trước nhập lưu sông Ia Lốp	Ia Pior, Chư Prông, Gia Lai	0,63
5	Sông Ia Meur	93	Trước nhập lưu sông Ia Lốp	Ia Mơ, Chư Prông, Gia Lai	1,62
X	Lưu vực sông Ia Đrăng				
1	Sông Ia Đrăng đoạn 1	49	Trước nhập lưu sông Ia Mư	Ia Đrăng, Chư Prông, Gia Lai	0,03
2	Sông Ia Đrăng đoạn 2	44	Cửa ra sông Ia Đrăng tại biên giới	Ia Púch, Chư Prông, Gia Lai	0,41
3	Sông Ia Kreng	50	Trước nhập lưu sông Ia Đrăng	Ia Púch, Chư Prông, Gia Lai	0,11
4	Sông Ia Púch đoạn 1	55	Trước nhập lưu suối Ia Khanh	Bình Giáo, Chư Prông, Gia Lai	0,05
5	Sông Ia Púch đoạn 2	23	Trước nhập lưu sông Ia Đrăng	Ia Púch, Chư Prông, Gia Lai	0,15



Phụ lục IV

NHU CẦU KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC ĐẾN NĂM 2030

Kèm theo Quyết định số 2.138.../QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2021

của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Vùng quy hoạch	Nhu cầu khai thác, sử dụng nước theo tháng (triệu m ³)												Cả năm (triệu m ³)
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
	Toàn vùng quy hoạch	154	390	424	361	224	350	194	96	195	75	78	166	2.708
I	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Ana	40	81	88	78	49	79	42	19	38	15	15	41	585
1	Sinh hoạt	1,67	1,51	1,67	1,62	1,67	1,62	1,67	1,67	1,62	1,67	1,62	1,67	19,69
2	Công nghiệp	3,14	2,83	3,14	3,04	3,14	3,04	3,14	3,14	3,04	3,14	3,04	3,14	36,93
3	Nông nghiệp	34,72	76,46	83,33	73,71	44,54	74,24	37,31	14,61	32,91	9,85	10,00	36,30	527,98
II	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Ana	28	45	49	37	24	40	19	12	19	7	8	27	315
1	Sinh hoạt	0,72	0,65	0,72	0,69	0,72	0,69	0,72	0,72	0,69	0,72	0,69	0,72	8,44
2	Công nghiệp	3,98	3,60	3,98	3,85	3,98	3,85	3,98	3,98	3,85	3,98	3,85	3,98	46,89
3	Nông nghiệp	23,41	41,24	44,02	32,48	18,93	35,10	14,04	7,16	14,50	2,77	3,83	22,60	260,07
III	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Nô	12	37	39	29	14	22	11	6	16	4	5	12	208
1	Sinh hoạt	0,42	0,38	0,42	0,41	0,42	0,41	0,42	0,42	0,41	0,42	0,41	0,42	4,99

TT	Vùng quy hoạch	Nhu cầu khai thác, sử dụng nước theo tháng (triệu m ³)												Cả năm (triệu m ³)
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
2	Công nghiệp	1,66	1,50	1,66	1,61	1,66	1,61	1,66	1,66	1,61	1,66	1,61	1,66	19,53
3	Nông nghiệp	9,61	35,01	37,03	26,89	12,21	20,11	9,04	3,96	14,47	2,26	2,85	10,17	183,60
IV	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Nô	7	22	23	19	10	16	9	4	10	3	3	7	133
1	Sinh hoạt	0,25	0,23	0,25	0,24	0,25	0,24	0,25	0,25	0,24	0,25	0,24	0,25	2,94
2	Công nghiệp	1,17	1,06	1,17	1,14	1,17	1,14	1,17	1,17	1,14	1,17	1,14	1,17	13,82
3	Nông nghiệp	5,47	20,76	21,85	17,44	8,63	14,91	7,58	2,16	8,92	1,41	1,66	5,73	116,50
V	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Srêpôk	28	91	100	82	48	68	43	23	50	20	22	33	609
1	Sinh hoạt	3,08	2,78	3,08	2,98	3,08	2,98	3,08	3,08	2,98	3,08	2,98	3,08	36,26
2	Công nghiệp	10,81	9,76	10,81	10,46	10,81	10,46	10,81	10,81	10,46	10,81	10,46	10,81	127,26
3	Nông nghiệp	14,33	78,71	85,88	69,05	34,14	54,32	28,77	8,93	36,70	6,39	8,91	19,33	445,46
VI	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Srêpôk	5	22	24	25	16	25	15	4	10	3	4	6	159
1	Sinh hoạt	0,44	0,40	0,44	0,43	0,44	0,43	0,44	0,44	0,43	0,44	0,43	0,44	5,20
2	Công nghiệp	0,77	0,70	0,77	0,75	0,77	0,75	0,77	0,77	0,75	0,77	0,75	0,77	9,08
3	Nông nghiệp	4,07	20,97	22,61	24,03	14,64	23,54	13,62	2,78	9,25	2,16	2,36	5,10	145,13

TT	Vùng quy hoạch	Nhu cầu khai thác, sử dụng nước theo tháng (triệu m ³)												Cả năm (triệu m ³)
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII	
VII	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea H'leo	13	49	54	45	27	43	24	12	28	10	10	16	333
1	Sinh hoạt	0,76	0,69	0,76	0,74	0,76	0,74	0,76	0,76	0,74	0,76	0,74	0,76	9,00
2	Công nghiệp	3,53	3,19	3,53	3,42	3,53	3,42	3,53	3,53	3,42	3,53	3,42	3,53	41,60
3	Nông nghiệp	9,15	45,07	49,29	40,52	23,20	39,34	19,78	8,16	23,91	5,85	5,85	11,98	282,09
VIII	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea H'Leo	6	5	7	8	9	16	7	5	4	4	4	7	82
1	Sinh hoạt	0,10	0,09	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	0,10	1,17
2	Công nghiệp	0,80	0,72	0,80	0,77	0,80	0,77	0,80	0,80	0,77	0,80	0,77	0,80	9,40
3	Nông nghiệp	5,02	4,14	6,46	7,14	8,34	14,77	6,17	4,34	3,23	2,62	2,78	6,57	71,57
IX	Lưu vực sông Ia Lốp	9	23	24	24	17	29	16	6	11	4	4	9	177
1	Sinh hoạt	0,47	0,43	0,47	0,46	0,47	0,46	0,47	0,47	0,46	0,47	0,46	0,47	5,57
2	Công nghiệp	2,15	1,94	2,15	2,08	2,15	2,08	2,15	2,15	2,08	2,15	2,08	2,15	25,28
3	Nông nghiệp	6,47	20,55	21,36	21,90	14,82	26,52	13,58	3,53	3,22	1,52	1,36	6,30	146,12
X	Lưu vực sông Ia Đrăng	6	15	16	14	9	13	8	5	8	4	4	6	106
1	Sinh hoạt	0,88	0,80	0,88	0,85	0,88	0,85	0,88	0,88	0,85	0,88	0,85	0,88	10,39
2	Công nghiệp	2,22	2,01	2,22	2,15	2,22	2,15	2,22	2,22	2,15	2,22	2,15	2,22	26,14
3	Nông nghiệp	3,06	12,22	12,79	10,54	5,68	9,58	4,60	1,61	4,97	0,78	0,86	3,17	69,86



Phụ lục V

LƯỢNG NƯỚC PHÂN BỐ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG KHAI THÁC, SỬ DỤNG

(Kèm theo Quyết định số 1138... /QĐ-TTg ngày 20..tháng 12..năm 2021

của Thủ tướng Chính phủ)

1. Lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng đến năm 2030

TT	Vùng quy hoạch	Lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng (triệu m ³)							
		Tần suất nước đến 50%				Tần suất nước đến 85%			
		Sinh hoạt	Công nghiệp	Nông nghiệp	Tổng	Sinh hoạt	Công nghiệp	Nông nghiệp	Tổng
	Toàn vùng quy hoạch	103,65	355,93	2243,84	2703	103,66	321,95	1936,84	2362
1	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Ana	19,70	36,94	527,98	585	19,70	33,24	441,64	495
2	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Ana	8,44	46,89	260,07	315	8,44	38,67	217,35	264
3	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Nô	4,99	19,53	183,59	208	4,99	19,53	183,60	208
4	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Nô	2,94	13,82	116,50	133	2,94	13,82	116,50	133
5	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Srêpôk	36,26	127,26	443,59	607	36,26	114,54	362,29	513
6	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Srêpôk	5,20	9,08	143,02	157	5,20	8,17	121,10	134
7	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea H'leo	9,00	41,60	282,10	333	9,00	37,44	235,15	282
8	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea H'Leo	1,17	9,40	71,57	82	1,17	7,74	55,15	64
9	Lưu vực sông Ia Lốp	5,57	25,28	146,12	177	5,57	25,28	146,12	177
10	Lưu vực sông Ia Đrăng	10,39	26,14	69,31	106	10,39	23,53	57,96	92

2. Lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo tháng đến năm 2030

TT	Vùng quy hoạch	Lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo tháng (triệu m ³)												Cả năm (triệu m ³)	
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII		
I	Tần suất nước đến 50%														
	Toàn vùng quy hoạch	198	101	199	79	83	171	159	395	423	327	214	355	2703	
1	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Ana	42,09	19,38	37,58	14,63	14,68	41,08	39,50	80,93	88,70	78,39	49,32	78,92	585	
2	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Ana	18,72	11,85	19,06	7,45	8,38	27,29	28,09	45,54	48,70	37,03	23,61	39,65	315	
3	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Nô	11,13	6,04	16,48	4,34	4,86	12,25	11,69	36,89	39,12	28,90	14,29	22,13	208	
4	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Nô	8,99	3,58	10,30	2,82	3,04	7,14	6,89	22,06	23,27	18,82	10,05	16,29	133	
5	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Srêpôk	45,39	25,55	52,97	23,01	25,18	35,95	30,95	94,28	102,50	63,45	37,27	70,59	607	
6	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Srêpôk	15,34	4,50	10,95	3,88	4,05	6,82	5,79	22,62	24,33	18,04	15,73	25,24	157	
7	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea H'leo	24,06	12,44	28,08	10,13	10,02	16,27	13,43	49,01	53,58	44,69	27,48	43,51	333	
8	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea H'Leo	7,06	5,23	4,10	3,52	3,64	7,47	5,92	4,96	7,36	8,01	9,24	15,64	82	
9	Lưu vực sông Ia Lốp	16,19	6,14	10,76	4,13	3,90	8,91	9,08	22,95	23,97	24,44	17,43	29,06	177	
10	Lưu vực sông Ia Đrăng	8,85	5,86	9,12	5,03	5,01	7,42	7,31	16,17	11,85	5,55	9,93	13,74	106	

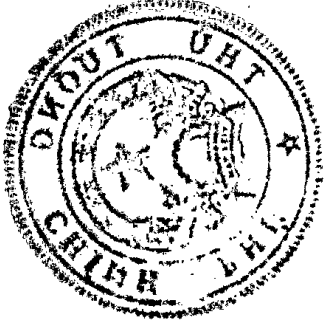
TT	Vùng quy hoạch	Lượng nước phân bổ cho các đối tượng khai thác, sử dụng theo tháng (triệu m ³)												Cả năm (triệu m ³)
		I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX*	X	XI	XII	
II	Tần suất nước đến 85%													
	Toàn vùng quy hoạch	131	99	186	80	82	159	151	360	380	293	174	270	2362
1	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Ana	27,97	17,11	32,57	13,07	12,74	35,19	34,57	69,76	75,87	66,89	42,19	67,35	495
2	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Ana	10,73	10,27	16,39	6,54	7,17	23,25	24,23	39,04	41,45	31,52	20,12	33,75	264
3	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea Krông Nô	11,13	6,04	16,48	4,34	4,86	12,25	11,69	36,89	39,12	28,90	14,29	22,13	208
4	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea Krông Nô	8,99	3,58	10,30	2,82	3,04	7,14	6,89	22,06	23,27	18,82	10,05	16,29	133
5	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Srêpôk	28,44	29,44	52,73	27,29	28,74	37,92	34,40	88,17	94,49	54,13	21,50	15,83	513
6	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Srêpôk	12,72	3,51	8,99	2,98	3,04	5,40	4,69	18,99	20,28	19,30	13,51	21,05	134
7	Tiểu vùng thượng lưu vực sông Ea H'leo	5,06	11,95	25,24	9,99	9,67	14,98	13,00	43,22	46,70	39,14	24,52	38,13	282
8	Tiểu vùng hạ lưu vực sông Ea H'Leo	1,33	4,39	3,42	2,93	2,92	6,17	5,09	4,28	6,08	6,64	7,68	13,12	64
9	Lưu vực sông Ia Lốp	16,19	6,14	10,76	4,13	3,90	8,91	9,08	22,95	23,97	24,44	17,43	29,06	177
10	Lưu vực sông Ia Đrăng	8,76	6,22	8,98	5,52	5,46	7,52	7,48	14,98	8,37	3,08	2,64	12,87	92



Phụ lục VI

NGUỒN NƯỚC DỰ PHÒNG CẤP NƯỚC CHO SINH HOẠT
(Kèm theo Quyết định số 158/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Khu vực có nguy cơ ô nhiễm	Khu vực dự phòng	Lượng nước dự phòng (triệu m ³)
1	Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	0,26
		Xã Ia Pnôn, xã Ia Kriêng huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	0,35
2	Thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	Thị trấn Ea Drăng, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	0,05
		Xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	0,15
3	Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	1,13
		Xã Cư ÊBur, xã Cư Suê, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; xã Quảng Tiến, thị trấn Ea Pôk, huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk	0,40
4	Thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	Thị trấn Ea Kar, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk	0,11
		Xã Krông Buk, huyện Krông Pắc tỉnh Đắk Lắk	0,10
5	Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	Thị trấn Liên Sơn, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	0,04
		Xã Đắk Liêng, xã Đắk Phoi, xã Đắk Nuê, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	0,29
6	Thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	Thị trấn Buôn Tráp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	0,05
		Xã Ea Bông, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk	0,04
7	Thị trấn Đam rông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	Thị trấn Đam rông, huyện Đam Rông, tỉnh Lâm Đồng	0,06
	Tổng		3,03



Phụ lục VII
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH ĐIỀU TIẾT, KHAI THÁC, SỬ DỤNG, PHÁT TRIỂN TÀI NGUYÊN NƯỚC

Kèm theo Quyết định số 2158/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ

1. Hồ chứa, đập dâng

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
I	Đang khai thác, sử dụng tài nguyên nước						
1	Thủy điện Ea Soup 3	Thủy điện	Xã Ea Tir, huyện Ea H'leo và xã Ea Kuêh, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk	2,46	6,4	Suối Ea Súp	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
2	Thủy điện Ea Tul 4	Thủy điện	Xã Tân Hòa, Cuor nia, huyện Buôn Đôn; xã Ea Mnang, Quảng Hiệp, huyện Cư Mgar, tỉnh Đắk Lắk	0,19	6	Suối EaTul	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
3	Thủy điện Srêpôk 4	Thủy điện	Xã Ea Wer, Tân Hòa, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk; xã Ea Pô, huyện Cư Jut, tỉnh Đắk Nông	25,94	80	Sông Srêpôk	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
4	Thủy điện Ea Đrăng 2	Thủy điện	Ea Wy, Ea H'leo, Đắk Lắk	3,28	6,4	Suối Ea Đrăng	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
5	Thủy điện Ea Kar	Thủy điện	Yang Mao, Krông Bông, Đắk Lắk	0,085	3	Suối Ea Kar	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
6	Thủy điện Buôn Kuốp	Thủy điện	Xã Ea Na, Dray Sáp, huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk; xã Nam Đà, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	63,24	280	Sông Srêpôk	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
7	Thủy điện Buôn Tua Srah	Thủy điện	Xã Nam Ka, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk; xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	786,9	86	Sông Krông Nô	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
8	Thủy điện Hòa Phú	Thủy điện	Xã Tâm Thắng, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông và xã Hòa Phú, thành phố Ban Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk	5,01	29	Sông Srêpôk	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
9	Thủy điện Srêpôk 4A	Thủy điện	Các xã Ea Wer, Ea Huar, Krong Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk	3,94	64	Sông Srêpôk	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
10	Thủy điện Krông Nô 3	Thủy điện	Đạ Tông, Đam Rông, Lâm Đồng	18,64	18	Sông Ea Krông Nô	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
11	Thủy điện Krông Nô 2	Thủy điện	Xã Đưng Knó, huyện Lạc Dương, Lâm Đồng và xã Krông Nô, huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk	9,356	30	Sông Ea Krông Nô	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
12	Thủy điện Srêpôk 3	Thủy điện	Xã Tân Hòa, Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk; xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	218,99	200	Sông Srêpôk	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
13	Thủy điện Krông K'mar	Thủy điện	Các xã Hòa Sơn và Khuê Ngọc Điền, huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk	0,82	12	Sông Ea Krông Kmar	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
14	Hồ Dray H'linh 1	Thủy điện	Xã Hòa Phú, thành phố Ban Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk; xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	2,28	12	Sông Srêpôk	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
15	Hồ Srêpôk 4	Thủy điện	Huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk; huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông	25,94	80	Sông Srêpôk	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
16	Hồ Dray H'Linh 2	Thủy điện	Ea Pô, Cư Jút, Đắk Nông	2,28	16	Sông Srêpôk	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
17	Hồ Dray H'Linh 3	Thủy điện	Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	2,28	6	Sông Srêpôk	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
18	Hồ Đắk R'tih	Thủy điện	Huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông	139	144	Suối Đắk R'tih	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
19	Hồ Đắk Rung	Thủy điện	Nâm N'Jang, Đắk Song, Đắk Nông	6,74	8	Suối Đắk Rung	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
20	Hồ Đắk Rung 1	Thủy điện	Trường Xuân, Đắk Song, Đắk Nông	1,6	6	Suối Đắk Rung	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
21	Hồ Đắk K'long	Thủy điện	Quảng Khê, Đắk G'long, Đắk Nông	0,283	9	Suối Đắk K'long	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
22	Hồ Chư Pông Krông	Thủy điện	Huyện Lắk, tỉnh Đắk Lắk; huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông.	2,9	8	Sông Krông Nô	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
23	Hồ Đắk Sor 2	Thủy điện	Xã Long Sơn, huyện Đắk Mil và xã Nam Xuân, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	-	7,5	Suối Đắk Sor	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
24	Hồ Nam Long	Thủy điện	Các xã Nâm N'Dir, Đứk Xuyên, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	-	9	Suối Đắk Pri	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
25	Hồ Đắk Sor 4	Thủy điện	Xã Đắk R'la, huyện Đắk Mil và xã Nam Xuân, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	0,59	7	Suối Đắk Sor	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
26	Hồ Đăk Mê 1+2	Thủy điện	Đạ Long, Đam Rông, Lâm Đồng	-	7	Suối Đăk Tar	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
27	Hồ Yan Tan Sien	Thủy điện	Đưng K'Nớ, Lạc Dương, Lâm Đồng	0,355	19,5	Suối Yan Ann Sien	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
28	Hồ Ia Puch 3	Thủy điện	Ia O, Chư Prông, Gia Lai	0,117	6,6	Suối Ia Puch	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
29	Hồ Hoàng Ân	Thủy lợi	Ia Phìn, Chư Prông, Gia Lai	5,8	-	Sông Ia Đrăng	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
30	Hồ Plei Pai	Thủy lợi	Thị trấn Chư Prông, Chư Prông, Gia Lai	13,28	-	Sông Ia Lốp	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
31	Hồ Ia Mor	Thủy lợi	Thị trấn Chư Prông, Chư Prông, Gia Lai	4,06	-	Sông Ia Lốp	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
32	Hồ Ia Glai	Thủy lợi	Ia Glai, Chư Sê, Gia Lai	3,6	-	Suối Ia Glé	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
							(2) Tham gia điều tiết dòng chảy
33	Hồ Ea Soup thượng	Thủy lợi	Cư M'Lan, Ea Súp, Đắk Lắk	146,94	-	Sông Ea Soup	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
34	Hồ Ea Soup hạ	Thủy lợi	Thị trấn Ea Súp, Ea Súp, Đắk Lắk	9,25	-	Sông Ea Soup	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
35	Hồ trung tâm thị trấn Ea Đrăng	Thủy lợi	Thị trấn Ea Đrăng, Ea H'Leo, Đắk Lắk	1,22	-	sông Ea Hleo	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
36	Hồ Ea Tuk	Thủy lợi	Cư Pong, Krông Buk, Đắk Lắk	0,68	-	Sông Ea Hleo	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
37	Hồ Ea Koa	Thủy lợi	Ea H'leo, Ea H'Leo, Đắk Lắk	0,54	-	Sông Ea Hleo	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
38	Hồ Cư Pong	Thủy lợi	Cư Pong, Krông Buk, Đắk Lắk	0,75	-	Sông Ea Soup	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
39	Hồ Buôn Ya Vằm	Thủy lợi	Ea Kiết, Cư M'gar, Đắk Lắk	1,20	-	Sông Ea Ual	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
40	Hồ 739	Thủy lợi	Ea Bung, Ea Súp, Đắk Lắk	3,90	-	Suối Prék Ruê	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
41	Hồ Ya Chlơi	Thủy lợi	Ia Lốp, Ea Soup, Đắk Lắk	1,92	-	Phụ lưu số 3 sông Ia Hleo	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
42	Hồ Krông Buk hạ	Thủy lợi	Ea Phê, Krông Pắc, Đắk Lắk	109,34	-	Sông Ea Krông Ana	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
43	Hồ Ea Rốt	Thủy lợi	Cư ELang, Ea Kar, Đắk Lắk	18,53	-	Sông Ea Rok	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
44	Hồ Krông Pách Thượng	Thủy lợi	Thị trấn Ea Kar, Ea Kar, Đắk Lắk	11,00	-	Sông EA Krông Pắc	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
							xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
45	Hồ Ea Kuăng	Thủy lợi	Ea Yông, Krông Pắc, Đắk Lắk	5,50	-	Suối Ea Kuăng	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
46	Hồ Vụ Bôn	Thủy lợi	Vụ Bôn, Krông Pắc, Đắk Lắk	5,04	-	Suối nhánh Sông Ea Krông Ana	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
47	Hồ Ea Uy thượng	Thủy lợi	Hòa Tiên, Krông Pắc, Đắk Lắk	3,80	-	Sông Ea uy	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
48	Hồ Đội 4	Thủy lợi	Ea Kly, Ea Súp, Đắk Lắk	3,33	-	Sông Ea Kar	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
49	Hồ Ea Grap	Thủy lợi	Ea Päl, Ea Kar, Đắk Lắk	1,30	-	Sông Ea Puk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
50	Hồ Suối 2	Thủy lợi	Ea Yông, Krông Pắc, Đắk Lắk	0,91	-	Sông Ea Kuang	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
51	Hồ Đội 9	Thủy lợi	Ea Kly, Krông Pắc, Đắk Lắk	0,80	-	Sông Ea Kar	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
52	Hồ Đội 10	Thủy lợi	Huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk	0,68	-	Suối nhánh sông Ia H'leo	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
53	Hồ Giao thủy	Thủy lợi	Ea Blang, Buôn Hồ, Đắk Lắk	0,60	-	Sông Ea Juna	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
54	Hồ Ea Kram	Thủy lợi	Bình Thuận, Buôn Hồ, Đắk Lắk	0,60	-	Sông Ea Kmlir	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
55	Hồ Hợp thành	Thủy lợi	Thống Nhất, Buôn Hồ, Đắk Lắk	0,51	-	Sông Ea Hlang	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
56	Hồ Ea Ô hạ	Thủy lợi	Cư Ni, Ea Kar, Đắk Lắk	2,50	-	Sông Ea Kar	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
57	Hồ Đội 8	Thủy lợi	Ea Kmút, Ea Kar, Đắk Lắk	1,82	-	Sông Ea Kar	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
58	Hồ Buôn Trung	Thủy lợi	Cư Bông, Ea Kar, Đắk Lắk	1,04	-	Sông Ea Bôt	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
59	Hồ Ea Dê	Thủy lợi	Ea Ô, Ea Kar, Đắk Lắk	0,85	-	Sông Ea Di	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
60	Hồ Đội 10	Thủy lợi	Ea Ô, Ea Kar, Đắk Lắk	0,65	-	Suối nhánh sông Ea Krông Ana	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
61	Hồ Đội 11	Thủy lợi	Ea Kmút, Ea Kar, Đắk Lắk	0,64	-	Sông Ea Kmút	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
62	Hồ Ea Bư	Thủy lợi	Cư Huê, Ea Kar, Đắk Lắk	0,57	-	Sông Ea Kar	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
63	Hồ Ea Khoa	Thủy lợi	Cư Jang, Ea Kar, Đắk Lắk	0,51	-	Sông Ea Krông Păk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
64	Hồ Lò Ô	Thủy lợi	Cư Bông, Ea Kar, Đắk Lắk	0,50	-	Sông Ea Kran	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
65	Hồ Hồ Kè	Thủy lợi	Dang Kang, Krông Bông, Đắk Lắk	1,61	-	Sông Ea Dray	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
66	Hồ An Ninh	Thủy lợi	Hòa Lễ, Krông Bông, Đắk Lắk	0,60	-	Sông Ea Krông Kmar	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
67	Hồ Cư Đrang	Thủy lợi	Cư KTy, Krông Bông, Đắk Lắk	0,55	-	Suối nhánh sông Ea Krông A Na	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
68	Hồ Ea Tlul (Đập 1)	Thủy lợi	Cư Né, Krông Buk, Đắk Lắk	1,39	-	Suối nhánh sông Ia H'leo	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
69	Hồ Buôn Dhia	Thủy lợi	Cư Né, Krông Buk, Đắk Lắk	0,99	-	Suối nhánh sông Ea Krông A Na	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
70	Hồ Ea Kmu	Thủy lợi	Cư Né, Krông Buk, Đắk Lắk	0,83	-	Suối nhánh sông Ea Krông A Na	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
71	Hồ Ea Siăk	Thủy lợi	Cư Né, Krông Buk, Đắk Lắk	0,72	-	Suối nhánh sông Ea Krông A Na	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
72	Hồ Ea Bơ II (Vườn Chuối)	Thủy lợi	Cư Né, Krông Buk, Đắk Lắk	0,68	-	Phụ lưu số 2 sông Ea Soup	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
73	Hồ Phú Khánh (Buôn Lang 2)	Thủy lợi	Cư Né, Krông Buk, Đắk Lắk	0,60	-	Suối nhánh sông Ea Krông A Na	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
74	Hồ Thủy điện	Thủy lợi	Chư KBô, Krông Buk, Đắk Lắk	0,52	-	Suối nhánh sông Ea Krông A Na	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
75	Hồ Ea Ksuy (Đập 2)	Thủy lợi	Cư Né, Krông Năng, Đắk Lắk	0,68	-	Suối nhánh sông Ea Krông A Na	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
76	Hồ Ea Jieng	Thủy lợi	Ea Yiêng, Krông Pắc, Đắk Lắk	0,91	-	Suối nhánh sông Ea Krông A Na	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
77	Hồ Phước Trạch	Thủy lợi	Ea Phê, Krông Pắc, Đắk Lắk	0,75	-	Sông Ea Phê	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
78	Hồ Ea Phê	Thủy lợi	Bình Thuận, Buôn Hồ, Đắk Lắk	0,51	-	Sông Ea Phê	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
79	Hồ Cư Păm	Thủy lợi	Cư KTy, Krông Bông, Đắk Lắk	2,00	-	Suối nhánh sông Ea Krông Ana	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
80	Hồ Ea Nong	Thủy lợi	Vụ Bôn, Krông Pắc, Đắk Lắk	2,89	-	Sông Ea Krông Bông	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
81	Hồ A2	Thủy lợi	Vụ Bôn, Krông Pắc, Đắk Lắk	1,47	-	Sông Ea Kar	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
82	Hồ Buôn Triết	Thủy lợi	Buôn Triết, Lắk, Đắk Lắk	21,00	-	Suối nhánh sông Ea Krông Ana	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
83	Hồ Ea Nhai I	Thủy lợi	Hòa Đông, Krông Pắc, Đắk Lắk	11,03	-	Sông Ea Enon	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
84	Hồ Yang Reh	Thủy lợi	Yang Reh, Krông Bông, Đắk Lắk	5,40	-	Sông Ea Kram Đria	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
85	Hồ Buôn Tría	Thủy lợi	Buôn Tría, Lắk, Đắk Lắk	5,00	-	Suối nhánh sông Ea Krông Ana	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
86	Hồ Ea Bông 1	Thủy lợi	Ea Bông, Krông Ana, Đắk Lắk	4,70	-	Sông Ea Nang	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
87	Hồ Ea Bông 2	Thủy lợi	Ea Bông, Krông Ana, Đắk Lắk	2,76	-	Sông Ea Nang	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
88	Hồ Ea Msen (Eapour đội 8)	Thủy lợi	Ea BHók, Cư Kuin, Đắk Lắk	1,59	-	Sông Ea Puôi	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
89	Hồ Ea Tir (Buôn Póc)	Thủy lợi	Ea Kênh, Krông Pắc, Đắk Lắk	0,53	-	Sông Ea Kuăng	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
90	Hồ Ea Hnin II	Thủy lợi	Ea Ktur, Cư Kuin, Đắk Lắk	2,20	-	Sông Ea Puôi	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
91	Hồ Ea Bih	Thủy lợi	Ea BHók, Cư Kuin, Đắk Lắk	1,36	-	Sông Ea Puoi	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
92	Hồ Đội 1	Thủy lợi	Ea Ktur, Cư Kuin, Đắk Lắk	0,80	-	Sông Đăk Rto	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
93	Hồ Đội 56	Thủy lợi	Cư Ê Wi, Cư Kuin, Đắk Lắk	0,78	-	Sông Ea Enon	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
94	Hồ Thăng Lợi	Thủy lợi	Ea Ktur, Cư Kuin, Đắk Lắk	0,72	-	Sông Ea Enon	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
95	Hồ Đội 40	Thủy lợi	Cư Ê Wi, Cư Kuin, Đắk Lắk	0,60	-	Sông Ea Pui	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
96	Hồ Buôn Pu Huê	Thủy lợi	Ea Ktur, Cư Kuin, Đắk Lắk	0,55	-	Sông Ea Pui	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
97	Hồ 24 (Sen)	Thủy lợi	Ea Hu, Cư Kuin, Đắk Lắk	0,55	-	Sông Ea Enon	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
98	Hồ Ea Sim 1	Thủy lợi	Ea Ktur, Cư Kuin, Đắk Lắk	0,53	-	Sông Ea Pui	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
99	Hồ Thôn 5	Thủy lợi	Ea BHók, Cư Kuin, Đắk Lắk	0,51	-	Sông Ea Pui	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
100	Hồ Ea Hu	Thủy lợi	Ea Ktur, Cư Kuin, Đắk Lắk	0,50	-	Sông Ea Enon	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
101	Hồ Đội 7	Thủy lợi	Cư Ê Wi, Ea Kar, Đắk Lắk	0,58	-	Sông Ea Pui	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
102	Hồ Phước mỹ II	Thủy lợi	Ea Kênh, Krông Pắc, Đắk Lắk	0,55	-	Sông Ea Uy	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
103	Hồ Lăk Dơng	Thủy lợi	Đắk Phoi, Lăk, Đắk Lắk	0,80	-	Sông Đắk Phoi	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
104	Hồ Ea Ring	Thủy lợi	Cuor Đăng, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,55	-	Sông Ea Knuec	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
105	Hồ Ea Tling	Thủy lợi	Dur KMäl, Krông Ana, Đắk Lắk	0,97	-	Sông Ea Tling	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
106	Hồ Quỳnh Ngọc 1	Thủy lợi	Ea Na, Krông Ana, Đắk Lắk	0,82	-	Suối nhánh sông Srêpôk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
107	Hồ Quỳnh Ngọc 2	Thủy lợi	Ea Na, Krông Ana, Đắk Lắk	0,82	-	Suối nhánh sông Srêpôk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
108	Hồ Sen	Thủy lợi	Thị trấn Buôn Tráp, Krông Ana, Đắk Lắk	0,80	-	Suối nhánh sông Ea Krông Ana	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
109	Hồ Buôn Xá	Thủy lợi	Ea Bông, Krông Ana, Đắk Lắk	0,80	-	Suối nhánh sông Srêpôk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
110	Hồ Buôn Pu Huch	Thủy lợi	Ea KNuec, Krông Pắc, Đắk Lắk	0,99	-	Sông Ea Enon	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
111	Hồ Nam Ka	Thủy lợi	Nam Ka, Lắk, Đắk Lắk	1,08	-	Sông Buôn Triết	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
112	Hồ Ea Kao	Thủy lợi	Ea Kao, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	17,76	-	Sông Ea Knir	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
							(2) Tham gia điều tiết dòng chảy
113	Hồ Buôn Jong	Thủy lợi	Ea KPam, Cư M'gar, Đắk Lắk	17,30	-	Sông Ea Tul	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
114	Hồ Ea Chur Kấp hạ	Thủy lợi	Hòa Thắng, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	11,20	-	Sông Ea Knir	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
115	Hồ Đrao II	Thủy lợi	Cư Dliê M'nông, Cư M'gar, Đắk Lắk	3,30	-	Sông Đắk Hua	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
116	Hồ Đrao I	Thủy lợi	Cư Dliê M'nông, Cư M'gar, Đắk Lắk	2,20	-	Sông Đắk Hua	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
117	Hồ Ea Khăm 1	Thủy lợi	Cư Dliê M'nông, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,95	-	Ea Tor	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
118	Hồ Ea Tar 3	Thủy lợi	Cư Dliê M'nông, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,80	-	Sông Ea M'Droh	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
119	Hồ Ea Tar 1	Thủy lợi	Cư Dliê M'nông, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,70	-	Sông Ea	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
			Lắk			M'Droh	(2) Tham gia điều tiết dòng chảy
120	Hồ Ea Kpal	Thủy lợi	Ea KPam, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,52	-	Sông Ea Tul	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
121	Hồ Ea Chư Káp thượng	Thủy lợi	Hòa Thắng, thành phố Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	1,19	-	Sông Ea Knir	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
122	Hồ Đạt Lý	Thủy lợi	Phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	0,93	-	Sông Ea Knir	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
123	Hồ Đoàn Kết (Ông Giám)	Thủy lợi	Phường Tân Lập, thành phố Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	0,59	-	Sông Ea Tam	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
124	Hồ Ea Bar	Thủy lợi	Ea Bar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	0,50	-	Suối Ea Fak	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
125	Hồ Đội 2	Thủy lợi	Thị trấn Ea Kar, Ea Kar, Đắk Lắk	0,50	-	Sông Ea H'Nênh	(1) Cấp nước sinh hoạt

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
							(2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
126	Hồ Buôn Win	Thủy lợi	Thị trấn Ea Pôk, Cư M'gar, Đắk Lắk	1,15	-	Sông Ea Tul	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
127	Hồ Đạt Hiếu	Thủy lợi	Cư Dliê M'nông, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,95	-	Sông Ea Tul	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
128	Hồ H. buôn Jun 1	Thủy lợi	Thị trấn Ea Pôk, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,87	-	Sông Ea Tul	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
129	Hồ Phú Xuân	Thủy lợi	Ea D'Rong, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,60	-	Suối Ea Drong	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
130	Hồ Buôn Map A	Thủy lợi	Thị trấn Ea Pôk, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,60	-	Sông Ea Pôch	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
							(3) Tham gia điều tiết dòng chảy
131	Hồ Buôn Lang 1	Thủy lợi	Thị trấn Ea Pôk, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,53	-	Sông Ea Pôch	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
132	Hồ H. Thôn 11	Thủy lợi	Thị trấn Ea Pôk, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,53	-	Sông Ea Pôch	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
133	Hồ Buôn Sut	Thủy lợi	Thị trấn Ea Pôk, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,51	-	Sông Ea Tul	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
134	Hồ Đội 2	Thủy lợi	Thị trấn Ea Pôk, Cư M'gar, Đắk Lắk	0,50	-	Sông Ea H'Nênh	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
135	Hồ Đăk Minh	Thủy lợi	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	8,72	-	Sông Đăk Minh	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
							(2) Tham gia điều tiết dòng chảy
136	Hồ Dak Huar	Thủy lợi	Ea Huar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	2,46	-	Sông Đắk Hua	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
137	Hồ Đrăng phúc	Thủy lợi	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	0,59	-	Suối nhánh sông Srêpôk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
138	Hồ Đắk Hlang	Thủy lợi	Đắk R'Măng, Đắk G'long, Đắk Nông	0,54	-	Sông Đắk Snao	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
139	Hồ Công ty 847	Thủy lợi	Quảng Sơn, Đắk G'long, Đắk Nông	1,10	-	Sông Đắk Rting	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
140	Hồ Đắk Snao 1 (882A)	Thủy lợi	Quảng Sơn, Đắk G'long, Đắk Nông	0,62	-	Sông Đắk Snao	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
141	Hồ Đắk Snao 3	Thủy lợi	Quảng Sơn, Đắk G'long, Đắk Nông	0,71	-	Sông Đắk SNaο	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
142	Hồ Đăk Nang	Thủy lợi	Đăk Nang, Krông Nô, Đăk Nông	3,60	-	Sông Ea Bun	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
143	Hồ Buôn R'cập	Thủy lợi	Nâm Nung, Krông Nô, Đăk Nông	0,60	-	Sông Đăk Dro	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
144	Hồ Đăk Viêng	Thủy lợi	Nâm Nung, Krông Nô, Đăk Nông	1,02	-	Sông Đăk Dro	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
145	Hồ Đăk Hou	Thủy lợi	Nâm N'Đir, Krông Nô, Đăk Nông	0,64	-	Sông Đăk Hou	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
146	Hồ Đăk Mhang	Thủy lợi	Nâm Nung, Krông Nô, Đăk Nông	0,66	-	Sông Đăk Mhang	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
147	Hồ Đăk Pok	Thủy lợi	Quảng Phú, Krông Nô, Đăk Nông	0,86	-	Sông Đăk Pok	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
148	Hồ 38	Thủy lợi	Tân Thành, Krông Nô, Đăk Nông	0,70	-	Suối nhánh sông Ea Krông Nô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
149	Hồ Đăk Săk	Thủy lợi	Đức Minh, Đăk Mil, Đăk Nông	6,50	-	Sông Đăk Săk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
150	Hồ Đăk Diêr	Thủy lợi	Cư Knia, Cư Jút, Đăk Nông	5,50	-	Sông Ea Diêr	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
151	Hồ Bắc Sơn 1	Thủy lợi	Long Sơn, Đăk Mil, Đăk Nông	1,29	-	Sông Đăk Sor	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
152	Hồ Đăk Puer	Thủy lợi	Thuận An, Đăk Mil, Đăk Nông	0,87	-	Sông Đăk Puer	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
153	Hồ Thác Hôn	Thủy lợi	Thuận An, Đăk Mil, Đăk Nông	0,77	-	Sông Đăk Puer	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
154	Hồ Đô Ry II	Thủy lợi	Đăk R'La, Đăk Mil, Đăk Nông	0,74	-	Sông Đăk R'La	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
155	Hồ Đăk Loou	Thủy lợi	Đức Mạnh, Đăk Mil, Đăk Nông	0,54	-	Sông Đăk Klau	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
156	Hồ Trúc Sơn	Thủy lợi	Trúc Sơn, Cư Jút, Đắk Nông	1,15	-	Sông Ea Younde	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
157	Hồ Bu Đăk	Thủy lợi	Thuận An, Đăk Mil, Đắk Nông	0,51	-	Sông Đăk Puer	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
158	Hồ Đăk Goun thượng	Thủy lợi	Thuận An, Đăk Mil, Đắk Nông	0,99	-	Sông Đăk Gour	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
159	Hồ Tây	Thủy lợi	Thị trấn Đăk Mil, Đăk Mil, Đắk Nông	2,83	-	Sông Đăk R'To	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
160	Hồ Đăk Đ'rông	Thủy lợi	Đăk DRông, Cư Jút, Đắk Nông	2,47	-	Sông Đăk Đ'rông	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
161	Hồ Đăk Mol	Thủy lợi	Đăk Mól, Đăk Song, Đắk Nông	0,76	-	Sông Đăk Mol	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
162	Hồ Cù Pu	Thủy lợi	Nam Dong, Cư Jút, Đắk Nông	0,53	-	Sông Ea Gan	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
163	Hồ Jun Juh	Thủy lợi	Đức Minh, Đắk Mil, Đắk Nông	0,62	-	Sông Đắk Koug	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
164	Hồ Núi Lửa	Thủy lợi	Thuận An, Đắk Mil, Đắk Nông	0,80	-	Sông Đắk Diêng hop	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
165	Hồ Đội 1	Thủy lợi	Thuận An, Đắk Mil, Đắk Nông	0,60	-	Sông Đắk Rto	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
166	Hồ Đội 4	Thủy lợi	Thuận An, Đắk Mil, Đắk Nông	0,60	-	Sông Đắk Mbai	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
167	Hồ E29	Thủy lợi	Đắk Sắk, Đắk Mil, Đắk Nông	0,99	-	Sông Đắk Sôr	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
168	Hồ Tiểu khu 840	Thủy lợi	Đắk Wil, Cư Jút, Đắk Nông	0,63	-	Sông Suối Ea Sier	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
169	Hồ Đăk Rlon	Thủy lợi	Thị trấn Đức An, Đăk Song, Đăk Nông	0,91	-	Sông Đăk Rlon	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
170	Hồ Yok Lom	Thủy lợi	Thuận An, Đăk Mil, Đăk Nông	0,51	-	Sông Đăk Sô Y	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
171	Hồ Đăk Goun	Thủy lợi	Đăk Găn, Đăk Mil, Đăk Nông	0,99	-	Sông Ea Gan	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
172	Hồ Nam Đà (Đăk Mâm)	Thủy lợi	Thị trấn Đăk Mâm, Krông Nô, Đăk Nông	2,86	-	Sông Đăk Mâm	(1) Cấp nước sinh hoạt (2) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (3) Tham gia điều tiết dòng chảy
173	Hồ Đăk Snao	Thủy lợi	Thuận An, Đăk G'long, Đăk Nông	0,60	-	Sông Đăk Snao	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
174	Hồ Đăk Pruh	Thủy lợi	Thuận An, Đăk G'long, Đăk Nông	0,62	-	Sông Đa R'mang	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
175	Hồ Đội 1	Thủy lợi	Thuận An, Đăk Mil, Đăk Nông	0,60	-	Sông Đăk Rto	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
176	Hồ Ea T'Ling	Thủy lợi	Thị trấn Ea T'Ling, Cư Jút, Đăk Nông	0,58	-	Suối Ea Dier	(1) Tưới (2) Cấp sinh hoạt
177	Hồ Dạ Chao	Thủy lợi	Đạ Tông, Đam Rông, Lâm Đồng	1,55	-	Suối nhánh sông Ea Krông Nô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
178	Hồ Ea Ngao	Thủy lợi	Cư Jang, Ea Kar, Đăk Lăk	0,49	-	Suối nhánh sông Ea Krông Pắc	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
179	Hồ Hòa Thành (19-5)	Thủy lợi	Dang Kang, Krông Bông, Đăk Lăk	0,47	-	Suối nhánh sông Ea Krông Ana	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
180	Hồ Ea Rêch	Thủy lợi	Cư Suê, Cư M'gar, Đăk Lăk	0,45	-	Suối nhánh sông Ea Tul	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
181	Hồ Ea Mkang	Thủy lợi	Ea M'ngang, Cư M'gar, Đăk Lăk	0,46	-	Sông Ea Tul	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
182	Hồ Yang Lành	Thủy lợi	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	0,45	-	Suối nhánh sông Srêpôk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
183	Hồ Thôn 3B	Thủy lợi	Quảng Sơn, Đắk G'long, Đắk Nông	0,46	-	Sông Đắk Rting	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
184	Hồ Đăk So	Thủy lợi	Quảng Sơn, Đắk G'long, Đắk Nông	0,46	-	Suối nhánh sông Da R'mang	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
185	Hồ Ông Hứa	Thủy lợi	Đắk Sắk, Đắk Mil, Đắk Nông	0,49	-	Suối nhánh sông Đắk Sor	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
186	Hồ Ông Đăng	Thủy lợi	Đắk Lao, Đắk Mil, Đắk Nông	0,49	-	Suối nhánh sông Srêpôk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
II	Quy hoạch đến năm 2030						
1	Hồ Plei Thơ Ga	Thủy lợi	Huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai	9,06	-	Sông Ia Lốp	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
2	Hồ Ea Hleo 1	Thủy lợi	Huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	34,8	-	Sông Ea H'leo	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp

TT	Tên công trình	Loại hình công trình	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Dung tích (triệu m ³)	Công suất lắp máy (MW)	Nguồn nước khai thác	Mục đích khai thác
							(2) Tham gia điều tiết dòng chảy
3	Hồ Thôn 8	Thủy lợi	Huyện Krông Păk, tỉnh Đắk Lắk	0,78	-	Sông Ea Krông Ana	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
4	Hồ Ea Mdroh 1	Thủy lợi	Huyện Cư M'Gar, tỉnh Đắk Lắk	6,98	-	Sông Srêpôk	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
5	Hồ Đăk N'Tinh	Thủy lợi	Huyện Đăk Glong, tỉnh Đắk Nông	2,67	-	Sông Ea Krông Nô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
6	Hồ Yên Ngựa	Thủy lợi	Huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk	1,24	-	Sông Ea Krông Ana	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
7	Hồ Nam Xuân	Thủy lợi	Huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông	3,86	-	Sông Ea Krông Nô	(1) Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
8	Hồ Ia Glae 2	Thủy điện	Huyện Chu Prông, tỉnh Gia Lai	-	12	Suối Ia Glae	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy
9	Hồ Ia Krel 2	Thủy điện	Huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	-	5,5	Suối Ia Kel	(1) Phát điện (2) Tham gia điều tiết dòng chảy

2. Nhà máy, công trình cấp nước

TT	Tên công trình	Nguồn nước	Lưu lượng khai thác hiện tại (m ³ /ngày đêm)
1	Nhà máy nước thành phố Ban Mê Thuật	Nước mặt sông Srêpôk và nước dưới đất	47900
2	Nhà máy nước thị Buôn Hồ	Nước mặt và nước dưới đất	6972
3	Mạch lộ Cư Kuin	Nước dưới đất	20000
4	Trạm cấp nước EaMsen	Nước dưới đất	5660
5	Trạm cấp nước EaCoTam	Nước dưới đất	9000
6	Mạch lộ Cư Pul	Nước dưới đất	8000

Phụ lục VIII



**GIÁM SÁT TÀI NGUYÊN NƯỚC, GIÁM SÁT KHAI THÁC,
SỬ DỤNG NƯỚC, CHẤT LƯỢNG NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 138../QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ)

TT	Tên điểm giám sát	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Nguồn nước	Nhiệm vụ
1	SP1	Tân Lập, Krông Búk, Đắk Lắk	Sông Srêpok	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Srêpok tại ranh giới xã Tân Lập và xã Ea Blang
2	SP2	Hòa Tân, Krông Bông, Đắk Lắk	Sông Srêpok	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Srêpok trước nhập lưu sông Ea Enon
3	EaK	Ea Kly, Krông Pắc, Đắk Lắk	Sông Ea Kar	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Kar trước nhập lưu sông Ea Krông Ana
4	EaKB	Vụ Bồn, Krông Pắc, Đắk Lắk	Sông Ea Krông Bông	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Krông Bông trước nhập lưu sông Ea Krông Ana
5	EaK	Krông Búk, Krông Pắc, Đắk Lắk	Sông Ea Krông	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Krông trước nhập lưu sông Ea Krông Ana
6	EaKu	Ea Kuăng, Krông Pắc, Đắk Lắk	Sông Ea Kuăng	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Kuăng trước nhập lưu sông Ea Krông Ana
7	EaU	Ea Uy, Krông Pắc, Đắk Lắk	Sông Ea Uy	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Uy trước nhập lưu sông Ea Krông Ana
8	EaKP	Ea Uy, Krông Pắc, Đắk Lắk	Sông Ea Krông Pắc	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Krông Pắc trước nhập lưu sông Ea Krông Ana
9	SP4	Thị trấn Buôn Trấp, Krông A Na, Đắk Lắk	Sông Srêpok	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Srêpok trước nhập lưu sông Ea Krông Nô
10	EaPu	Hòa Hiệp, Cư Kuin, Đắk Lắk	Sông Ea Puôi	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Puôi trước nhập lưu sông Ea Krông Ana
11	ĐP	Buôn Tría, Lắk, Đắk Lắk	Sông Đắk Phơi	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Phơi trước nhập lưu sông Ea Krông Ana

TT	Tên điểm giám sát	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Nguồn nước	Nhiệm vụ
12	EaKN1	Đạ Rsal, Đam Rông, Lâm Đồng	Sông Ea Krông Nô	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Krông Nô trước nhập lưu sông Da R'Mang
13	ĐR	Đắk Nuê, Lắk, Đắk Lắk	Sông Đắk Rohyo	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Rohyo trước nhập lưu sông Ea Krông Nô
14	DRM	Đạ Rsal, Đam Rông, Lâm Đồng	Sông Da R' Mang	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Da R'Mang trước nhập lưu sông Ea Krông Nô
15	EaKN2	Thị trấn Buôn Tráp, Krông A Na, Đắk Lắk	Sông Ea Krông Nô	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Krông Nô trước nhập lưu sông Ea Krông Ana
16	ĐR	Đức Xuyên, Krông Nô, Đắk Nông	Sông Đắk Rí	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Rí trước nhập lưu sông Ea Krông Nô
17	CT	Nâm N'Dir, Krông Nô, Đắk Nông	Sông Chu Tát	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Chu Tát trước nhập lưu sông Ea Krông Nô
18	SP4	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	Sông Srêpók	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Srêpók sau nhập lưu sông Đắk Hua
19	EaK	Hòa Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	Sông Ea Knir	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Knir trước nhập lưu sông Srêpók
20	EaN	Ea Pô, Cư Jút, Đắk Nông	Sông Ea Ndrich	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Ndrich trước nhập lưu sông Srêpók
21	ĐH	Ea Huar, Buôn Đôn, Đắk Lắk	Sông Đắk Hua	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Hua trước nhập lưu sông Srêpók
22	ĐS	Đắk Sôr, Krông Nô, Đắk Nông	Sông Đắk Sour	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Sour trước nhập lưu sông Srêpók
23	EaT	Ea Wer, Buôn Đôn, Đắk Lắk	Sông Ea Tul	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Tul trước nhập lưu sông Srêpók
24	EaG	Tâm Thắng, Cư Jút, Đắk Nông	Sông Ea Gan	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Gan trước nhập lưu sông Srêpók
25	SP5	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	Sông Srêpók	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Srêpók tại biên giới Việt Nam - Campuchia

TT	Tên điểm giám sát	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Nguồn nước	Nhiệm vụ
26	ĐKN	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	Sông Đắk Ki Na	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Ki Na trước nhập lưu sông Srêpôk
27	ĐN	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	Sông Đắk Na	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Na trước nhập lưu sông Srêpôk
28	ĐĐ	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	Sông Đắk Đăm	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Đăm trước nhập lưu sông Srêpôk
29	ĐK1	Krông Na, Buôn Đôn, Đắk Lắk	Sông Đắk Klau	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Klau trước nhập lưu sông Srêpôk
30	EaHL1	Ia JLoi, Ea Súp, Đắk Lắk	Sông Ea H' Leo	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea H' Leo sau nhập lưu sông Ea Soup
31	EaHL2	Ia JLoi, Ea Súp, Đắk Lắk	Sông Ea H' Leo	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea H' Leo trước nhập lưu sông Ea H'leo
32	EaR	Ya Tờ Mốt, Ea Súp, Đắk Lắk	Sông Ea Rôk	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Rôk trước nhập lưu sông Ia H'leo
33	EaW	Ea Rôk, Ea Súp, Đắk Lắk	Sông Ea Wy	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Wy trước nhập lưu sông Ia H'leo
34	EaHL3	Ia JLoi, Ea Súp, Đắk Lắk	Sông Ea H' Leo	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea H' Leo trước nhập lưu sông Ia H'leo
35	EaS	Cư KBang, Ea Súp, Đắk Lắk	Sông Ea Súp	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Súp trước nhập lưu sông Ia H'leo
36	EaKh	Ea Rôk, Ea Súp, Đắk Lắk	Sông Ea Khal	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea Khal trước nhập lưu sông Ia H'leo
37	EaHL4	Ia RVê, Ea Súp, Đắk Lắk	Sông Ea H' Leo	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ea H'Leo tại biên giới Việt Nam - Campuchia
38	ITM	Ia RVê, Ea Súp, Đắk Lắk	Sông Ia Te Mốt	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Te Mốt trước nhập lưu sông Ia H'leo
39	ĐRu	Ea Bung, Ea Súp, Đắk Lắk	Sông Đắk Ruê	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Đắk Ruê tại biên giới Việt Nam - Campuchia

TT	Tên điểm giám sát	Vị trí (xã, huyện, tỉnh)	Nguồn nước	Nhiệm vụ
40	IaL1	Ia Dreng, Chư Puh, Gia Lai	Sông Ia Lốp	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Lốp tại ranh giới huyện Chư Sê và Chư Puh
41	IaL2	Ia Lốp, Ea Súp, Đăk Lăk	Sông Ia Lốp	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Lốp trước nhập lưu sông Ia Lốp
42	IL	Ia Lâu, Chư Prông, Gia Lai	Sông Ia Lô	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Lô trước nhập lưu sông Ia Lốp
43	IG	Ia Pior, Chư Prông, Gia Lai	Sông Ia Glé	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Glé trước nhập lưu sông Ia Lốp
44	IMe	Ia Mơ, Chư Prông, Gia Lai	Sông Ia Meur	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Meur trước nhập lưu sông Ia Lốp
45	IaĐ1	Ia Đrăng, Chư Prông, Gia Lai	Sông Ia Đrăng	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Đrăng trước nhập lưu sông Ia Mul
46	IaĐ2	Ia Púch, Chư Prông, Gia Lai	Sông Ia Đrăng 2	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Đrăng tại biên giới Việt Nam - Campuchia
47	IaK	Ia Púch, Chư Prông, Gia Lai	Sông Ia Kreng	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Kreng trước nhập lưu sông Ia Đăng
48	IaP1	Bình Giáo, Chư Prông, Gia Lai	Sông Ia Púch	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Púch trước nhập lưu suối Ia Khanh
49	IaP2	Ia Púch, Chư Prông, Gia Lai	Sông Ia Púch	Giám sát dòng chảy, chất lượng nước sông Ia Púch trước nhập lưu sông Ia Đăng